

Số: 0331B/2025/CV-ADG
V/v giải trình ý kiến kiểm toán tại BCTC
hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Công ty xin giải trình nội dung về vấn đề cần nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán – Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam – Chi nhánh Miền Bắc tại Báo cáo tài chính (“BCTC”) hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

Nội dung nhấn mạnh:

“Không nhằm phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong năm, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án đã có bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật do có một số bị cáo đã có đơn kháng cáo và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (tổ chức quản lý tài sản đảm bảo) chưa nhận được văn bản thông báo của Cơ quan chức năng cho phép chấm dứt ngăn chặn, phong tỏa đối với tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Công ty (Công ty CP Review thông minh) đang sở hữu 2 lô trái phiếu của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (mã trái phiếu HTL-H2023-004 và HTL-H2023-007) với tổng số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 6.280.900.000 đồng, tuy nhiên trong năm 2024, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land đã chậm thanh toán gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (tổ chức quản lý tài sản đảm bảo) đã có cuộc họp trao đổi với tổ chức phát hành về tiến trình xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho các trái chủ nhưng không nhận được sự phối hợp để xử lý theo phương thức tự nguyện. Ngày 05/04/2024, Công ty CP Chứng khoán Tân Việt đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 3, TPHCM đối với việc chậm thanh toán các lô trái phiếu HTL-H2023-004. Vụ kiện đang trong quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.”

Về trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An: Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được phát hành cho mục đích đầu tư, phát triển Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát, tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm của lô trái phiếu là Động Sản và Bất Động Sản liên quan tới và/hoặc phát sinh từ Khu đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Việt Phát tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 015123 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền



sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Ngày 09/8/2022, Công ty đã mua 500.000 trái phiếu theo mệnh giá là 100.000 đồng/Trái phiếu với tổng giá trị giao dịch là 50.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, các tài sản bảo đảm nêu trên hiện vẫn đang được cơ quan chức năng phong tỏa để tiếp tục phục vụ điều tra giai đoạn tiếp theo do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Do đó, Công ty chưa nhận được tiền lãi trái phiếu theo đúng kỳ hạn cam kết.

Về trái phiếu của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land:

- Đối với mã trái phiếu HTL-H2023-004: Số lượng trái phiếu Công ty CP Review thông minh sở hữu là 25.000 trái phiếu, tương ứng với giá trị là 2.500.000.000 đồng. Lô trái phiếu này đã đáo hạn vào ngày 31/8/2023. Tuy nhiên, tính đến thời điểm đáo hạn, công ty chưa nhận được khoản thanh toán lãi và gốc của trái phiếu. Do Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ mua lại trái phiếu và thanh toán nên Công ty CP Chứng khoán Tân Việt (đại diện Người sở hữu trái phiếu) đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 3, TPHCM để yêu cầu giải quyết và vụ kiện đang trong quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Đối với mã trái phiếu HTL-H2023-007: Số lượng trái phiếu Công ty CP Review thông minh sở hữu là 37.809 trái phiếu, tương ứng với giá trị là 3.780.900.000 đồng. Lô trái phiếu này đã đáo hạn vào ngày 31/8/2023. Trái phiếu được gia hạn kỳ hạn và đáo hạn vào ngày 30/11/2024. Trong năm, công ty vẫn nhận được lãi trái phiếu theo thỏa thuận tính đến trước thời điểm đáo hạn. Tuy nhiên, đến tháng 9/2024, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land đã vi phạm về điều kiện trái phiếu và tính đến thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land chưa thực hiện mua lại trái phiếu và thanh toán phần lãi còn thiếu cho các trái chủ.

Công ty vẫn liên tục theo dõi, cập nhật tình trạng các lô trái phiếu và phối hợp cùng các đơn vị liên quan trong việc yêu cầu các tổ chức phát hành thực hiện nghĩa vụ đã cam kết đối với từng lô trái phiếu.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần Clever Group về BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Khánh Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 39

0101
CÔNG
TNH
KIỂM T
A VIỆ
CHI NH
MIỄN
HÀ

120501
ÔNG T
CỔ PHẦN
ER GR

UÂN -

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 21 ngày 14/01/2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/01/2025 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Trần Đông Âu	Thành viên
Ông Lee SangSeok	Thành viên
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Khánh Trình

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 15/2025/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group, được lập ngày 31/03/2025 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

010
CÔNG
TNI
KIỂM
PA VIE
CHI NH
MIỀN
HÀ

Đ. NIỆT
C
C
CLEV
THANH XU

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong năm, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi của lô trái phiếu này. Công ty này hiện đang bị phong tỏa tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên để phục vụ điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát. Hiện tại vụ án đã có bản án hình sự sơ thẩm giai đoạn 2 nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật do có một số bị cáo đã có đơn kháng cáo và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (tổ chức quản lý tài sản đảm bảo) chưa nhận được văn bản thông báo của Cơ quan chức năng cho phép chấm dứt ngăn chặn, phong tỏa đối với tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Công ty (Công ty CP Review thông minh) đang sở hữu 2 lô trái phiếu của Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (mã trái phiếu HTL-H2023-004 và HTL-H2023-007) với tổng số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 6.280.900.000 đồng, tuy nhiên trong năm 2024, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land đã chậm thanh toán gốc và lãi khi đến hạn thanh toán. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (tổ chức quản lý tài sản đảm bảo) đã có cuộc họp trao đổi với tổ chức phát hành về tiến trình xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho các trái chủ nhưng không nhận được sự phối hợp để xử lý theo phương thức tự nguyện. Ngày 05/04/2024, Công ty CP Chứng khoán Tân Việt đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 3, TPHCM đối với việc chậm thanh toán lô trái phiếu HTL-H2023-004. Vụ kiện đang trong quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



Nguyễn Thị Thu Hà

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tr

Nguyễn Thị Trúc Giang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2023-137-1

19179
TY
IH
TOÁN
NAM
ÁNH
BẮC
VỚI-VN

2880

ÔNG T
PHÃ
ER GR

1ÂN-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.919.031.383	264.500.307.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.628.268.676	32.498.173.579
1. Tiền	111		48.628.268.676	32.498.173.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	89.674.050.000	158.790.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.999.382.335	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(246.232.335)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		86.920.900.000	158.790.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.109.528.633	70.087.089.711
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.145.933.249	59.225.394.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	595.792.003	1.164.535.804
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.210.000.000	2.451.793.496
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	4.157.803.381	7.602.995.777
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	-	(357.629.671)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	7.325.976.386	2.009.453.522
1. Hàng tồn kho	141		7.325.976.386	2.009.453.522
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.181.207.688	1.115.590.912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	138.156.587	518.254.896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		236.423.825	60.421.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	806.627.276	536.914.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		287.540.543.999	185.393.833.826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		343.340.151	5.299.769.291
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	343.340.151	5.299.769.291
II. Tài sản cố định	220		23.270.308.898	8.389.283.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.839.234.413	4.832.173.610
- Nguyên giá	222		16.803.349.001	14.339.493.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.964.114.588)	(9.507.319.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	17.431.074.485	3.557.109.500
- Nguyên giá	228		19.286.511.265	4.780.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.855.436.780)	(1.223.401.765)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	159.682.320.907	43.883.603.675
- Nguyên giá	231		159.776.291.985	43.883.603.675
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(93.971.078)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	-	40.216.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	40.216.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	103.309.838.772	127.563.137.090
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.378.736.457	11.684.761.645
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(98.572.784)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		89.029.675.099	115.878.375.445
VI. Tài sản dài hạn khác	260		934.735.271	217.824.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	934.735.271	217.824.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		496.459.575.381	449.894.141.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		109.386.831.954	103.725.123.616
I. Nợ ngắn hạn	310		106.491.278.790	100.784.993.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	29.843.233.521	25.057.268.854
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	9.312.568.988	7.829.333.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	12.221.341.118	13.187.456.591
4. Phải trả người lao động	314		2.432.644.710	2.617.041.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.729.529.170	4.862.068.389
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	936.378.386	923.578.375
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	47.015.582.898	46.308.246.378
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.895.553.164	2.940.129.836
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	2.895.553.164	2.940.129.836
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		387.072.743.427	346.169.017.935
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	387.072.743.427	346.169.017.935
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.350.593.536)	(423.062.122)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.436.695.165	105.015.639.912
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.643.450.303	84.936.384.268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.793.244.862	20.079.255.644
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52.146.491.798	27.736.290.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		496.459.575.381	449.894.141.551

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập


NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc

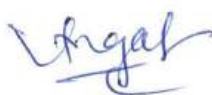
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	464.186.251.921	411.871.183.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	219.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		464.186.032.376	411.871.183.400
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	391.629.224.268	333.785.749.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.556.808.108	78.085.434.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	13.619.361.653	15.644.059.633
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.605.309.655	4.193.778.271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.641.730.429	3.795.023.476
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		143.366.021	31.505.884
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	28.068.189.049	27.187.986.035
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	27.336.484.088	31.049.471.776
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.309.552.990	31.329.763.574
12. Thu nhập khác	31	6.7	957.860.169	241.416.382
13. Chi phí khác	32	6.7	2.003.227.822	1.350.633.983
14. Lợi nhuận khác	40		(1.045.367.653)	(1.109.217.601)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.264.185.337	30.220.545.973
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	6.278.393.926	7.855.123.006
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(44.576.673)	122.977.645
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.030.368.084	22.242.445.322
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.793.244.862	20.079.255.644
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		3.237.123.222	2.163.189.678
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	832	939
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		832	939

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025


NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập

NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởngĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Theo phương pháp gián tiếp***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

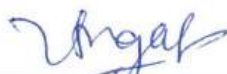
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.264.185.337	30.220.545.973
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.182.801.290	1.905.071.748
- Các khoản dự phòng	03	(12.824.550)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(621.094.200)	(63.763.779)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.347.038.067)	(15.405.306.317)
- Chi phí lãi vay	06	1.641.730.429	3.795.023.476
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	17.107.760.239	20.451.571.101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.052.272.915	45.113.254.183
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.316.522.864)	(607.519.924)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.412.573.844	(8.351.173.719)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(561.115.471)	258.022.783
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(2.999.382.335)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.606.778.005)	(3.765.845.415)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.489.663.798)	(10.350.841.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.599.144.525	42.747.467.441
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(131.886.280.740)	(28.254.068.774)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	13.413.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(232.335.000.000)	(262.558.571.492)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	334.852.800.000	174.988.617.550
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.006.717.606	14.918.763.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.948.126.769)	(100.905.259.627)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.344.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	266.185.306.599	256.715.135.883
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(265.477.970.079)	(199.925.209.894)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(676.921.569)	(892.359.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.374.414.951	55.897.566.702
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	16.025.432.707	(2.260.225.485)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.498.173.579	34.814.577.683
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	104.662.390	(56.178.618)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	48.628.268.676	32.498.173.579

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025



NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 21 ngày 14/01/2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/01/2025 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2024 là 242 người; cán bộ quản lý là 09 người (Tại ngày 31/12/2023, tổng số cán bộ nhân viên là 258 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	Công ty con		(%)	(%)	
1.	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2.	Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3.	Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4.	Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	Công ty con		(%)	(%)	
5.	Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6.	Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech (ii)	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7.	Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X (ii)	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8.	Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9.	Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10.	Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11.	Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
12.	Công ty cổ phần Địa ốc Thông minh	Việt Nam	80,84	80,84	Kinh doanh bất động sản
	Công ty liên kết				
1.	Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2.	Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3.	Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4.	Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5.	Công ty CP TECHCEN (ii)	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Công ty CP TECHCEN, Công ty CP công nghệ quảng cáo ADTECH và Công ty CP Trực tuyến Clever X đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội lần lượt vào ngày 13/05/2024, ngày 17/02/2025 và ngày 20/02/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	Dự án thương mại dịch vụ, văn phòng, officetel và căn hộ (Tòa nhà Orchard Garden) tại số 128 đường Hồng Hà, phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà VIET Building, số 199 Đồng Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2024. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi

Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty PT CLEVER ADS và Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES được lập bằng Rupiah Indonesia (IDR) và đồng Peso Philippine (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh:***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản**Thời gian khấu hao**

Phương tiện vận tải

06 - 08 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 năm

Máy móc, thiết bị

04 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và bản quyền, bằng sáng chế được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm; quyền sử dụng đất được khấu hao trong thời gian 60 năm và giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	30
Nhà cửa và vật kiến trúc	30

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm bảo hiểm xe ô tô, phí đường bộ, chữ ký số, chi phí thi công nội thất hệ thống phòng cháy chữa cháy và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian từ 06 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay và chi phí trích trước của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo, doanh thu bán hàng và chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác (Tiếp theo)*****Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư***

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp; giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư và giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.617.547.330	8.893.043.906
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.010.721.346	23.605.129.673
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	48.628.268.676	32.498.173.579

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	GT hợp lý	Dự phòng
- Cổ phiếu						
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	2.999.382.335	2.753.150.000	(246.232.335)	-	-	-
Tổng	2.999.382.335	2.753.150.000	(246.232.335)	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	86.920.900.000	86.920.900.000	158.790.000.000	158.790.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.640.000.000	80.640.000.000	152.490.000.000	152.490.000.000
- Trái phiếu (i)	6.280.900.000	6.280.900.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (5)	6.280.900.000	6.280.900.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Dài hạn	89.029.675.099	89.029.675.099	115.878.375.445	115.878.375.445
- Trái phiếu	89.029.675.099	89.029.675.099	115.878.375.445	115.878.375.445
Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)	34.122.969.465	34.122.969.465	60.337.669.811	60.337.669.811
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (3)	4.487.301.000	4.487.301.000	4.987.301.000	4.987.301.000
Công ty CP thương mại công nghệ An Phát (4)	419.404.634	419.404.634	553.404.634	553.404.634
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Tổng	175.950.575.099	175.950.575.099	274.668.375.445	274.668.375.445

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITECO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu SGL ngày 05/02/2024, các lô trái phiếu của Công ty đang sở hữu nêu trên sẽ được gia hạn đến từ tháng 6 đến tháng 11/2025. Trong thời gian gia hạn, các lô trái phiếu áp dụng lãi suất 8%/năm; kỳ hạn tính lãi đổi thành 12 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

Ngày 18/09/2024; Công ty TNHH Tập đoàn BITECO thông báo chuyển nhượng lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Saigon Glory (được dùng làm tài sản thế chấp cho lô trái phiếu nêu trên) cho Công ty TNHH Bất động sản Phương Đông Hà Nội. Các thỏa thuận về việc thực hiện quy định tại Nghị quyết người sở hữu trái phiếu ngày 05/02/2024 đi kèm với hợp đồng chuyển nhượng bao gồm:

- + Tập đoàn BITECO cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi 10 gói trái phiếu Saigon Glory từ ngày 01/09/2024 đến hết kỳ ngày 12/6/2025 và số tiền lãi của kỳ thanh toán ngày 18/06/2025;
- + Công ty TNHH bất động sản Phương Đông Hà Nội sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc của kỳ thanh toán ngày 18/06/2025 và nghĩa vụ thanh toán gốc cộng lãi 10 gói trái phiếu từ sau ngày 18/6/2025.

Ngày 04/10/2024, hai bên mua bán đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Saigon Glory.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Ngày 12/10/2024, Công ty TNHH Saigon Glory, Công ty TNHH Bất động sản Phương Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã hoàn tất thủ tục thế chấp lại phần vốn góp để bảo đảm cho nghĩa vụ của lô trái phiếu theo Hợp đồng thế chấp số 01/2024/HĐTCPVG/BDSPDHN-TCB ngày 10/10/2024. Tài sản đảm bảo của lô trái phiếu trên sau chuyển nhượng bao gồm quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Bất động sản Phương Đông Hà Nội vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m² đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

(2): Tài sản đảm bảo cho lô trái phiếu nêu trên đang bị phong tỏa, ngăn chặn giao dịch theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra - Bộ công an do có liên quan đến vụ án Vạn Thịnh Phát. Hiện tại, bản án chưa có hiệu lực pháp luật do các bị cáo đã có đơn kháng cáo và Ngân hàng TMCP Sài Gòn chưa nhận được văn bản thông báo của Cơ quan chức năng cho phép chấm dứt ngăn chặn, phong tỏa đối với tài sản đảm bảo của lô trái phiếu nêu trên.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITECO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

(4): Trái phiếu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát có kỳ hạn 08 năm, ngày phát hành 30/12/2020, ngày đáo hạn 30/12/2028; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11%/năm. Tài sản đảm bảo là số cổ phần của ông Nguyễn Mạnh Hà (388.500 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ) tại Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát; toàn bộ quyền và lợi ích theo các hợp đồng cho thuê văn phòng và các dịch vụ quản lý cho thuê văn phòng liên quan đến công trình "Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu" (Tòa nhà An Phát); giấy chứng nhận quyền sở hữu 700m² đất và tài sản hình thành trên đất là Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Trái phiếu của Công ty CP Hưng Thịnh Land có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 31/08/2020, ngày đáo hạn 31/08/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,374%/năm.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL - H2023-004) là quyền sử dụng 75.482,4 m² đất tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thời hạn sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28/06/2005 của Công ty TNHH du lịch Minh Tuấn Sông Ray; 25.758.400 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh và 4.241.600 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của ông Lê Ngọc Triều; 76.000.000 cổ phần của bà Cao Thị Tuyết, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP du lịch Minh Tuấn Sông Ray (chiếm 100% vốn điều lệ); các quyền tài sản phát sinh tương lai từ hoặc liên quan đến "Dự án Hồ Tràm Complex" tại xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Công ty TNHH Du lịch Minh Tuấn Sông Ray là chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL- H2023 - 007) là 40.000 cổ phần của ông Lê Ngọc Triều tại Công ty CP Hưng Thịnh Land; 18.000.000 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh; 49.500.000 cổ phần của ông Khuất Tùng Phong, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa (chiếm 100% vốn điều lệ); quyền sử dụng thửa đất số 342, 347, 346, 343, 344 và 345 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tất cả các quyền tài sản (không bao gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở) phát sinh từ hoặc liên quan đến dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa làm chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu HTL-H2023-007 ngày 27/11/2023, trái phiếu HTL-H2023-007 có ngày đáo hạn là 31/08/2023 sẽ gia hạn đến 30/11/2024; trong thời gian gia hạn, kỳ hạn tính lãi đổi thành 01 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

Tuy nhiên trong năm, Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land đã chậm thanh toán gốc/lãi khi đến hạn thanh toán. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (tổ chức quản lý tài sản đảm bảo) đã có cuộc họp trao đổi với tổ chức phát hành về tiến trình xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho các trái chủ nhưng không nhận được sự phối hợp để xử lý theo phương thức tự nguyện. Ngày 05/04/2024, Công ty CP Chứng khoán Tân Việt đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 3 đối với việc chậm thanh toán lô trái phiếu HTL-H2023-004 và đang trong quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ vụ kiện cho Tòa án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****c. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh	1.472.209.691	-	-	1.473.885.018	-	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2.095.618.085	-	-	2.095.618.085	-	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3.300.995.115	-	-	3.262.930.468	-	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4.509.913.566	-	-	4.435.690.605	-	-
Công ty cổ phần TECHCEN	-	-	-	416.637.469	-	-
Tổng	11.378.736.457	-	-	11.684.761.645	-	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty CP ADELA Building	3.000.000.000	(98.572.784)	-	-	-	-
Tổng	3.000.000.000	(98.572.784)	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư y tế Quốc tế	813.580.200	1.320.000.000
Công ty TNHH CAO SU INOUE VIỆT NAM (IRC Viet Nam)	2.166.717.600	395.560.800
Công ty CP Đầu tư VAM	929.681.830	1.061.291.218
Tổng công ty hàng không Việt Nam	6.863.284.697	7.986.987.180
Công ty cổ phần NOVAREAL	3.959.597.650	4.231.869.649
Công ty TNHH AEONMALL Long Biên	1.206.921.816	932.201.838
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.819.217.868	734.271.523
Công ty cổ phần TIKI	-	3.637.513.934
Công ty TNHH Nha khoa Kim	-	1.879.818.221
Công ty TNHH Giải trí viễn đông	-	1.323.021.166
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.479.965.045	-
CN Công ty TNHH LG ELECTRONICS VN Hải Phòng tại Hà Nội	3.077.361.240	-
Công ty TNHH GOLDEN IMC GROUP HOLDINGS	2.296.382.279	-
Công ty TNHH Wine Việt Nam	43.397.932	1.030.938.400
Công ty CP Hàng tiêu dùng MASSAN	557.856.000	1.301.517.140
Các khách hàng khác	27.931.969.092	33.390.403.236
Tổng	54.145.933.249	59.225.394.305
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên LQ (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	545.221.121	1.181.151.932

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty CP Kiến trúc XD 88 Việt Nam	-	600.000.000
Công ty TNHH Kiến trúc XD Mộc Xanh	-	197.299.872
Công ty CP Quản lý và khai thác tòa nhà VNPT	-	72.000.000
Công ty TNHH Giải Trí số IM Việt Nam	-	121.000.000
Công ty CP Giải pháp truyền thông số Lionise Media	39.247.200	-
Công ty cổ phần Hồng Lam	26.925.875	-
Công ty TNHH My Second Home	200.000.000	-
Công ty TNHH TM và XD Đỗ Thiết	240.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng Ailand	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	39.618.928	174.235.932
Tổng	595.792.003	1.164.535.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	3.210.000.000	2.451.793.496
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM	-	1.500.000.000
Ông Thái Thanh Long	-	451.793.496
Ông Tạ Văn Tiến (i)	2.000.000.000	-
Công ty CP ADELA BUILDING (i)	210.000.000	-
Bà Nguyễn Bích Thủy (i)	500.000.000	-
Tổng	3.210.000.000	2.451.793.496

(i): Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo; khoản vay có thời hạn từ 15 ngày đến 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 5%/năm đến 10%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	4.157.803.381	7.602.995.777
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	1.308.300.113	3.005.459.195
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.679.290.333	3.482.369.232
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	510.346.301	220.453.698
- Phải thu khác	659.866.634	894.713.652
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	658.172.634	891.058.200
+ Phải thu khác	1.694.000	3.655.452
Dài hạn	343.340.151	5.299.769.291
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.010.000.000
- Phải thu dài hạn khác	343.340.151	289.769.291
Tổng	4.501.143.532	12.902.765.068

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2024 cho mục đích bảo đảm cho các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các khoản đặt cọc thuê văn phòng. Chi tiết như sau:
- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và tại Indonesia với số tiền là 647.597.604 đồng.
 - Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 660.702.509 đồng.

5.7 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	-	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	-	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	-	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	-	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	-	-	145.949.280	-
Tổng	-	-	357.629.671	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí SXKD dở dang	6.872.819.372	-	2.009.453.522	-
Hàng hoá	453.157.014	-	-	-
Tổng	7.325.976.386	-	2.009.453.522	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn	138.156.587	518.254.896
- Chi phí thuê văn phòng	71.382.500	40.454.333
- Thuê chỗ đặt máy chủ	11.600.000	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	22.993.940	477.800.563
- Chi phí trả trước khác	32.180.147	-
Dài hạn	934.735.271	217.824.660
- Công cụ dụng cụ phân bổ	355.147.605	188.481.834
- Cước internet, thuê chỗ đặt máy chủ	10.800.000	-
- Chi phí thi công nội thất, PCCC	505.590.445	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	63.197.221	29.342.826
Tổng	1.072.891.858	736.079.556

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	40.216.000
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	40.216.000
Tổng	-	40.216.000

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
Mua trong năm	2.463.856.000	-	-	2.463.856.000
Tại ngày 31/12/2024	16.277.053.727	336.593.455	189.701.819	16.803.349.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	8.981.024.117	336.593.455	189.701.819	9.507.319.391
Khấu hao trong năm	1.456.795.197	-	-	1.456.795.197
Tại ngày 31/12/2024	10.437.819.314	336.593.455	189.701.819	10.964.114.588
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	4.832.173.610	-	-	4.832.173.610
Tại ngày 31/12/2024	5.839.234.413	-	-	5.839.234.413

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 7.066.917.909 VND (ngày 31/12/2023: 7.066.917.909 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
Tăng khác	-	-	14.506.000.000	14.506.000.000
Tại ngày 31/12/2024	4.380.511.265	400.000.000	14.506.000.000	19.286.511.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	1.095.127.824	128.273.941	-	1.223.401.765
Khấu hao trong năm	547.563.912	19.999.992	64.471.111	632.035.015
Tại ngày 31/12/2024	1.642.691.736	148.273.933	64.471.111	1.855.436.780
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	3.285.383.441	271.726.059	-	3.557.109.500
Tại ngày 31/12/2024	2.737.819.529	251.726.067	14.441.528.889	17.431.074.485

5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ				
NGUYÊN GIÁ	-	5.368.264.709	-	5.368.264.709
Nhà và quyền sử dụng đất	-	5.368.264.709	-	5.368.264.709
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	93.971.078	-	93.971.078
Nhà và quyền sử dụng đất	-	93.971.078	-	93.971.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	5.274.293.631	-	5.274.293.631
Nhà và quyền sử dụng đất	-	5.274.293.631	-	5.274.293.631
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	43.883.603.675	129.215.391.050	(18.690.967.449)	154.408.027.276
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	129.215.391.050	(18.690.967.449)	154.408.027.276
TÔN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	43.883.603.675	129.215.391.050	(18.690.967.449)	154.408.027.276
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	129.215.391.050	(18.690.967.449)	154.408.027.276

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là biệt thự B8 - 12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội; biệt thự số C 727 Dự án công viên Đại dương Hạ Long tại TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; căn hộ A307 chung cư Moon light I, khu đô thị mới An Lạc Green Symphony tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội; căn hộ chung cư số 24.03, khối C, khu nhà ở cao tầng phường Phú Hữu, quận 9, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh; Thửa đất số 270 lô 07 B2-2, Thửa đất 271 Lô 8 B2-2 Đường 30/04, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng; và thửa đất 614, 615 và 616 ở tổ 14 Sài Đồng, Long Biên, HN. Bất động sản đầu tư mà Công ty đang kinh doanh cho thuê là sân văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	-	-	46.991.730	46.991.730
Meta Platforms Ireland Limited	15.742.074.009	15.742.074.009	14.350.590.907	14.350.590.907
Google Ireland Ltd	3.137.296.143	3.137.296.143	5.536.731.325	5.536.731.325
TIKTOK PTE. Ltd	1.971.298.824	1.971.298.824	-	-
REVV CORPORATION INC	76.522.690	76.522.690	91.307.845	91.307.845
Công ty TNHH TR PRODUCTIONS	206.496.000	206.496.000	134.784.000	134.784.000
Công ty TNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Cao Minh	82.000.000	82.000.000	123.000.000	123.000.000
Công ty CP MARUP	-	-	473.440.000	473.440.000
Công ty cổ phần Forza	-	-	427.377.864	427.377.864
Công ty TNHH THE 1ST MANAGEMENT	-	-	1.269.000.000	1.269.000.000
Công ty TNHH Truyền thông Nội dung Xanh	1.182.600.000	1.182.600.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn quảng cáo UNIQUE	371.239.200	371.239.200	-	-
Bà Mai Lệ Quyền	410.897.371	410.897.371	-	-
Ông Lại Minh Duy	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Công ty BEAUTYMAKERS. Co., Ltd	579.496.680	579.496.680	-	-
Công ty TNHH VT Media	318.384.000	318.384.000	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ quảng cáo và truyền thông Schannel	354.207.600	354.207.600	-	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ giải trí TD	507.600.000	507.600.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	3.903.121.003	3.903.121.003	2.604.045.183	2.604.045.183
Tổng	29.843.233.521	29.843.233.521	25.057.268.854	25.057.268.854

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

2.011.748

01019
CÔNG
TY TNHH
KIỂM TOÁN
VIỆT
NAM
CHỈ NHÃ
MIỀN B
HÀ NỘI

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ VN	788.724.000	788.724.000	977.076.000	977.076.000
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	109.692.360	109.692.360	120.231.738	120.231.738
Công ty TNHH Phần mềm FPT	196.355.644	196.355.644	262.287.999	262.287.999
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	20.526.167	20.526.167	127.431.547	127.431.547
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	1.528.740.000	1.528.740.000	43.200.000	43.200.000
Công ty CP Bệnh viện mắt Ánh Sáng	488.421.134	488.421.134	388.800.000	388.800.000
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông SKYBOOKS Việt Nam	235.440.000	235.440.000	108.000.000	108.000.000
Công ty N&VBridge Co., Ltd	-	-	326.960.000	326.960.000
Công ty TNHH TCIE Việt Nam	-	-	204.822.000	204.822.000
Công ty CP Tập đoàn RUBY LIFE	442.422.000	442.422.000	-	-
Công ty TNHH READINGGATE VIETNAM	392.158.800	392.158.800	-	-
Công ty TNHH Thiết bị chăm sóc y tế đại gia đình Phương Đông	449.999.999	449.999.999	-	-
Công ty TNHH WIR GROUP	156.762.000	156.762.000	-	-
Tiktok PTE. LTD.	189.675.000	189.675.000	-	-
Công ty TNHH Vẻ đẹp FRANCIA	-	-	177.162.000	177.162.000
Công ty CP CON CÙNG	-	-	115.740.500	115.740.500
Các khách hàng khác	4.313.651.884	4.313.651.884	4.977.621.778	4.977.621.778
Tổng	9.312.568.988	9.312.568.988	7.829.333.562	7.829.333.562

163-C
Y
N
ROUP
T.P.HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.221.536.401	40.116.185.272	(40.728.437.071)	4.609.284.602
Thuế xuất, nhập khẩu	-	28.513.296	(28.513.296)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.787.783.393	6.278.393.926	(6.489.663.798)	4.576.513.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.298.636.911	4.096.823.233	(3.687.348.242)	1.708.111.902
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.879.499.886	5.417.139.715	(5.969.208.508)	1.327.431.093
Tổng	13.187.456.591	55.937.055.442	(56.903.170.915)	12.221.341.118

5.17 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.693.983	-
Thuế thu nhập cá nhân	803.933.293	536.914.621
Tổng	806.627.276	536.914.621

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	34.952.424	29.178.061
Chi phí thuê văn phòng	-	913.202.892
Chi phí thuê ngoài của các dự án	4.694.576.746	3.919.687.436
Tổng	4.729.529.170	4.862.068.389

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	217.480.626	217.480.626	382.950.126	382.950.126
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	479.204.525	479.204.525	465.935.014	465.935.014
+ Phải trả Lê Anh Quân	325.385.500	325.385.500	325.385.500	325.385.500
+ Phải trả Công ty Dược Bình Định	-	-	102.468.996	102.468.996
+ Phải trả khác	153.819.025	153.819.025	38.080.518	38.080.518
Nhận kỹ quỹ, ký cược	239.693.235	239.693.235	74.693.235	74.693.235
Tổng	936.378.386	936.378.386	923.578.375	923.578.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	45.681.891.222	45.681.891.222	177.472.388.126	(173.372.723.949)	41.582.227.045	41.582.227.045
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (i)	45.681.891.222	45.681.891.222	177.472.388.126	(173.372.723.949)	41.582.227.045	41.582.227.045
Dư nợ tín dụng	1.333.691.676	1.333.691.676	88.712.918.473	(92.105.246.130)	4.726.019.333	4.726.019.333
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	1.333.691.675	1.333.691.675	77.796.922.331	(80.274.048.682)	3.810.818.026	3.810.818.026
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội- CN Nam Đồng (iii)	(279.022.797)	(279.022.797)	9.411.281.656	(10.008.393.708)	318.089.255	318.089.255
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	279.022.798	279.022.798	1.504.714.486	(1.822.803.740)	597.112.052	597.112.052
Tổng	47.015.582.898	47.015.582.898	266.185.306.599	(265.477.970.079)	46.308.246.378	46.308.246.378

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐCTD/24065 ngày 25/7/2024, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng (hạn mức thế tin dụng là 15 tỷ đồng), thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 25/07/2024 đến 17/07/2025). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,0% - 7,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.
- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.21 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Tổng

31/12/2024	01/01/2024
VND	VND
20%	20%
2.895.553.164	2.940.129.836
2.895.553.164	2.940.129.836

5.22 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	213.805.210.000	34.940.000	26.463.906.385	(515.852.328)	84.936.384.267	324.724.588.323
Tăng khác	-	-	1.553.369	-	-	1.553.369
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	2.163.189.678	-	20.079.255.645	22.242.445.323
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	92.790.206	-	92.790.206
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(892.359.287)	-	-	(892.359.287)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	213.805.210.000	34.940.000	27.736.290.145	(423.062.122)	105.015.639.912	346.169.017.935
Tăng vốn trong năm	-	-	21.850.000.000	-	-	21.850.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	3.237.123.222	-	17.793.244.862	21.030.368.084
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(927.531.414)	-	(927.531.414)
Tăng khác	-	-	-	-	44.447.860	44.447.860
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(676.921.569)	-	-	(676.921.569)
Giảm do công ty liên kết giải thể	-	-	-	-	(416.637.469)	(416.637.469)
Số dư cuối năm nay	213.805.210.000	34.940.000	52.146.491.798	(1.350.593.536)	122.436.695.165	387.072.743.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trinh	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd (tên cũ là YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD)	82.859.430.000	82.859.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	71.117.430.000
Tổng	213.805.210.000	213.805.210.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 VND	Kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	213.805.210.000	213.805.210.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	213.805.210.000	213.805.210.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.23 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2024	01/01/2024
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	3.705.203.772	3.067.208.816
Trên 01 năm đến 05 năm	9.226.587.884	3.592.453.924
Tổng	12.931.791.656	6.659.662.740

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	11.772,83	97.012,83

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	689.603.699	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	450.083.011.858	411.871.183.400
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	13.413.636.364	-
Tổng	464.186.251.921	411.871.183.400
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	3.083.484.527	3.927.512.886

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hàng bán bị trả lại	219.545	-
Tổng	219.545	-

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	303.385.239	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	378.003.136.289	333.785.749.261
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	13.322.702.740	-
Tổng	391.629.224.268	333.785.749.261

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	13.112.738.422	15.405.306.317
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.468.352	189.516.226
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	489.154.879	49.237.090
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng	13.619.361.653	15.644.059.633

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	1.641.730.429	3.795.023.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	261.492.371	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	398.754.795
Chi phí tài chính khác	357.281.734	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	344.805.121	-
Tổng	2.605.309.655	4.193.778.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	13.151.927.367	15.065.536.117
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.526.863	1.258.013.961
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.480.725.363	1.423.259.398
Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	298.988.081	-
Thuế, phí và lệ phí	235.946.852	1.406.804.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.692.415.597	10.031.099.518
Chi phí khác bằng tiền	2.261.953.965	1.864.757.792
Tổng	27.336.484.088	31.049.471.776
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	26.149.765.080	24.762.121.712
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.477.047	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.624.322.998	2.167.655.412
Chi phí khác bằng tiền	277.623.924	258.208.911
Tổng	28.068.189.049	27.187.986.035

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	957.860.169	241.416.382
- Xử lý số dư công nợ	387.069.460	164.736
- Các khoản khác	570.790.709	241.251.646
Chi phí khác	2.003.227.822	1.350.633.983
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	645.365.672	528.846.003
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	397.691.360	3.928.634
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	240.860.281	342.842.000
- Các khoản khác	719.310.509	475.017.346
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(1.045.367.653)	(1.109.217.601)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.003.910	1.258.013.961
Chi phí nhân công	53.363.426.651	48.169.210.848
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.182.801.290	1.962.182.578
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	298.988.081	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.029.821.007	257.341.679.013
Chi phí khác bằng tiền	9.902.271.675	6.704.046.127
Tổng	364.008.312.614	315.435.132.527

0197
G TY
JHH
TOÁN
ETNAP
HÀNH
V BẮC
NỘI

0102
CÔN
CÔ
LEVE
NH XL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.009.900.555	7.832.752.789
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	268.493.371	22.370.217
Tổng	6.278.393.926	7.855.123.006

6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(44.576.673)	122.977.645
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(222.883.365)	614.888.226
Tổng	(44.576.673)	122.977.645

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.793.244.862	20.079.255.644
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.793.244.862	20.079.255.644
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	21.380.521	21.380.521
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	832	939

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 250 m² văn phòng tại Dự án thương mại dịch vụ, văn phòng, officetel và căn hộ (Tòa nhà Orchard Garden) tại số 128 đường Hồng Hà, phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê quy định cụ thể cho từng giai đoạn trong hợp đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01/12/2023.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023. Hợp đồng này được thay thế bằng hợp đồng thuê văn phòng số 0107/2024/HĐTVP-AK-CLEVER ngày 01/07/2024. Diện tích thuê 627,95 m² với giá thuê 235.000 đồng/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2029.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023. Hợp đồng này được thay thế bằng hợp đồng thuê văn phòng số 0107/2024/HĐTVP-AK-CLEVER ngày 01/07/2024.
- Tiền thuê 145,45 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/12/2023. Hợp đồng này được thay thế bằng hợp đồng thuê văn phòng số 0107/2024/HĐTVP-AK-CLEVER ngày 01/07/2024.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022. Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 09/07/2024.
- Tiền thuê 75 m² văn phòng tầng 3 tại tòa nhà VIET Building, số 199 Đồng Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng với giá thuê 12.500.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm từ ngày 01/08/2024 đến 01/08/2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1 Các khoản cam kết (Tiếp theo)****Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN (*)	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty FSN Asia Private Ltd	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và dịch vụ chuyển phát nhanh Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(*): Công ty cổ phần TECHCEN đã hoàn tất thủ tục giải thể và có thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội vào ngày 13/05/2024.

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	3.106.414.966	3.515.625.899
Tổng	3.106.414.966	3.515.625.899

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch	592.190.400	774.000.000
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	841.926.000	527.982.979
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	546.540.055	502.790.698
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	360.000.000
Ông Trần Đông Âu	Thành viên	-	-
Ông Lee SangSeok	Thành viên	-	-
Ông Trần Anh Nam	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quốc	Thành viên	-	-
Phương		-	-
Tổng		1.980.656.455	2.164.773.677

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	410.000.000
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	424.975.831	301.950.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	700.782.680	638.902.222
Tổng		1.125.758.511	1.350.852.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024****7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****a. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng hóa dịch vụ				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	2.928.903.888	2.526.388.132
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	154.580.639	1.399.666.577
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.458.177
Tổng			3.083.484.527	3.927.512.886
Mua hàng hóa dịch vụ				
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	51.707.767	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	-	29.213.879.040
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	-	29.213.879.040

b. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		545.221.121	1.181.151.932
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	538.588.746	731.090.932
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	-	-
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	6.632.375	450.061.000
Phải trả nhà cung cấp		2.011.748	-
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	2.011.748	-

7.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	KD BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	450.547.396.012	13.638.636.364	-	464.186.032.376
Tổng doanh thu thuần	450.547.396.012	13.638.636.364	-	464.186.032.376
Chi phí kinh doanh				
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	378.212.550.450	13.416.673.818	-	391.629.224.268
- Chi phí bán hàng	28.068.189.049	-	-	28.068.189.049
- Chi phí QLDN	27.336.484.088	-	-	27.336.484.088
Kết quả HĐKD	16.930.172.425	221.962.546	-	17.152.134.971
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	11.157.418.019	11.157.418.019
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.045.367.653)	(1.045.367.653)
LN/(lỗ) trước thuế	16.930.172.425	221.962.546	10.112.050.366	27.264.185.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	KD BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Tài sản				
tiền	48.628.268.676	-	-	48.628.268.676
Các khoản đầu tư tài chính	11.378.736.457	-	181.605.152.315	192.983.888.772
Các khoản phải thu	60.023.232.150	240.000.000	2.189.636.634	62.452.868.784
Hàng tồn kho	7.325.976.386	-	-	7.325.976.386
Tài sản khác	2.115.942.959	-	-	2.115.942.959
Tài sản cố định	23.270.308.898	-	-	23.270.308.898
Bất động sản đầu tư	-	159.682.320.907	-	159.682.320.907
Tổng tài sản	152.742.465.525	159.922.320.907	183.794.788.949	496.459.575.381
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	105.080.381.419	1.410.897.371	-	106.491.278.790
Nợ dài hạn	2.895.553.164	-	-	2.895.553.164
Tổng nợ phải trả	107.975.934.583	1.410.897.371	-	109.386.831.954

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025



NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN
Giám đốc



No. : 0331B/2025/CV-ADG

Hanoi, March 31, 2025

Re: To clarify the auditor's opinions in the 2024
audited consolidated financial statements

**To: -THE STATE SECURITIES COMMISSION
-THE HO CHI MINH STOCK EXCHANGE**

Firstly, Clever Group Corporation (Stock code: ADG) (hereinafter referred to as "the Company") would like to extend our respectful greetings to the Authority.

The Company hereby provides a clarification regarding the emphasis of matter raised by our auditor- CPA Vietnam Auditing Co., Ltd – Northern Branch, in the audited consolidated financial statements ("ACFS") for the fiscal year ended December 31, 2024, as follows:

Emphasis of Matter:

"Not to negate the above audit opinion, we also want to recommend the readers to section 5.2 of the Notes to the Consolidated Financial Statements. The Company has owned bonds of Tan Thanh Long An Investment Joint Stock Company with the balance as at December 31, 2024 of VND 50,000,000,000. These bonds have a term of 5 years, issued on May 20, 2021, and maturing on May 20, 2026. Bond interest is paid periodically every 6 months, with an interest rate not lower than 10% per year. However, during 2024, Tan Thanh Long An Investment Joint Stock Company delayed interest payments for these bonds. This company's collateral assets for these bonds are frozen for investigation due to their relevance to the Van Thinh Phat Group case. Currently, the case has a first-instance criminal judgment in phase 2, but the judgment has not taken legal effect yet due to some defendants filing appeals. Additionally, Saigon Commercial Joint Stock Bank (the collateral management organization) has not received notice from authorities allowing the termination of the asset freeze.

We also want to recommend readers to section 5.2 in the Notes to the Financial Statements. The Company's subsidiary (Clever Review Joint Stock Company) owns two bond portfolios of Hung Thinh Land Joint Stock Company (bond codes HTL-H2023-004 and HTL-H2023-007) with a total balance of VND 6,280,900,000 as of December 31, 2024. However, in 2024, Hung Thinh Land Joint Stock Company delayed the payment of principal and interest for these bonds. The Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh Branch (the collateral management organization) held a meeting to discuss the process for handling collateral to repay bondholders but did not receive cooperation for voluntary resolution. On April 05, 2024, Tan Viet Securities Joint Stock Company filed a lawsuit with the People's Court of District 3, Ho Chi Minh City, for the delayed payment of the HTL-H2023-004 bonds. The lawsuit is currently in the process of providing documents and evidence to the court.

Regarding the bonds of Tan Thanh Long An Investment JSC: Those bonds were issued for the purpose of investing in and developing the Viet Phat Industrial Park infrastructure sale, construction and investment project located in Tan Lap Commune, Thu Thua District, Long An Province. The collateral for these bonds includes movable and immovable assets related to and/or arising from the land plot of the Viet Phat Industrial Park infrastructure sale, construction and investment project in Tan Lap Commune, Thu Thua District, Long An Province, as stated in Land Use Right Certificate No. AQ 015123 issued by the People's



Committee of Long An Province on September 29, 2009. The collateral is managed by Saigon Commercial Joint Stock Bank. On August 9, 2022, the Company purchased 500,000 bonds at a face value of 100,000 VND per bond, with a total transaction value of 50,000,000,000 VND. However, as of now, the aforementioned collateral remains frozen by authorities for further investigation into the case involving Van Thinh Phat Group. Consequently, the Company has not received the bond interest payments as per the committed schedule.

Regarding the bonds of Hung Thinh Land Joint Stock Company:

- For bond code HTL-H2023-004: The number of bonds owned by Clever Review Corporation is 25,000 bonds, equivalent to a value of 2,500,000,000 VND. These bonds matured on August 31, 2023. However, as of the maturity date, the company had not received principal or interest payments for the bonds. Since Hung Thinh Land Joint Stock Company did not voluntarily fulfill its obligations to repurchase the bonds and make payments, Tan Viet Securities Joint Stock Company (representing the bondholders) filed a lawsuit with the People's Court of District 3, Ho Chi Minh City, requesting resolution. The case is currently in the process of providing documents and evidence to the court.

- For bond code HTL-H2023-007: Clever Review Corporation owns 37,809 bonds, equivalent to a value of 3,780,900,000 VND. These bonds matured on August 31, 2023, and their term was extended, with a new maturity date of November 30, 2024. Throughout the year, the company continued to receive interest payments on the bonds according to the agreement until the maturity date. However, as of September 2024, Hung Thinh Land Joint Stock Company violated the bond conditions, and up to now, it has not repurchased the bonds or paid the remaining interest owed to the bondholders.

The Company continues to monitor and update the status of the bonds, working closely with relevant parties to demand the issuing organizations to fulfill their committed obligations for each bond.

Above is the clarification provided by Clever Group Corporation regarding the 2024 audited consolidated financial statements. We affirm that the information provided is true and take full responsibility under the laws for the disclosed content.

Sincerely,

Recipients:

- As above;
- Saved internally.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Khánh Trình

CLEVER GROUP CORPORATION

Audited consolidated financial statements for
the fiscal year ended at 31 December 2024



CONTENT

Content	Page
STATEMENT OF THE EXECUTIVE BOARD	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	
Consolidated Balance Sheet	6 - 7
Consolidated Income Statement	8
Consolidated Cash Flow	9
Note to the Consolidated Financial Statements	10 - 39

STATEMENT OF THE EXECUTIVE BOARD

The Executive Board of Clever Group Corporation ("the Company") is pleased to present its report and the consolidated Financial Statements of the Company for the fiscal year ended at 31 December 2024 which were audited by independent auditors.

THE COMPANY

Clever Group Corporation formerly known as Clever Advertising Corporation was established under Enterprise Registration Certificate No. 0103026173 dated 04 August 2008 firstly issued by Hanoi Authority for Planning and Investment. During the operation, the changes in business function, the chartered capital, the legal representative of the Company were also approved by the Department of Planning and Investment of Hanoi city in the Amended Registration Certificates from the first to the 21st dated 14th January 2025.

Authorized Capital of the Company under the 21th Amened Enterprise Registration Certificate No. 0102850165 dated 14th January 2025 is VND 213,805,210,000 (*In word: Two hundred and thirteen billion eight hundred and five million two hundred and ten thousand dong*).

The Company's shares have been transacted on Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) with stock symbol of ADG.

The Company's head office is located at Floor 3, G1 block, Five Star Building, No.2 Kim Giang, Ha Dinh ward, Thanh Xuan District, Hanoi.

THE BOARD OF DIRECTORS AND EXECUTIVE BOARD

The members of the Board of Directors and Management during the fiscal year and at the date of this report include:

Board of Director

Mr. Nguyen Khanh Trinh	Chairman
Ms. Don Nu Duc Hien	Vice Chairwoman
Ms. Luu Hoang Anh	Member
Mr. Tran Dong Au	Member
Mr. Lee SangSeok	Member
Mr. Trần Anh Nam	Independent member
Mr. Nguyen Quang Quoc Phuong	Independent member

Executive Board

Ms. Don Nu Duc Hien	Director
Ms. Luu Hoang Anh	Ho Chi Minh branch Director
Ms. Tran Thi Minh Tinh	Da Nang branch Director

EVENTS SINCE THE BALANCE SHEET DATE

As at the date of this report, in all material respect, the Executive Board confirmed there have been no significant events that require adjustments or disclosures in the audited consolidated financial statements of the Company at the fiscal year ended at 31 December 2024.

AUDITORS

CPA VIETNAM Auditing Company Limited - Northern Branch has audited the Clever Group Corporation's Consolidated Financial Statements for the year ended at 31 December 2024.

STATEMENT OF THE EXECUTIVE BOARD (Continued)

THE EXECUTIVE BOARD'S RESPONSIBILITY

The Executive Board is responsible for preparing the Consolidated Financial Statements for the year ended at 31 December 2024, which give a true and fair view of the Company's financial position as at 31 December 2024 and of its results and cash flows for the fiscal year then ended, in according with Vietnamese Accounting Standards, Corporate Accounting System of Vietnam and the prevailing regulations relevant to prepared and present consolidated financial statements. In preparing those Consolidated Financial Statements, the Executive Board is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed (if any) and explained in the consolidated financial statements;
- Prepare the Consolidated Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business;
- Design, implement and maintain an effective internal control system for the purpose of preparing and presenting the Consolidated Financial Statements to minimize errors and frauds.

The Executive Board is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the accompanying Consolidated Financial Statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Corporate Accounting System of Vietnam and the prevailing regulations. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Executive Board confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the Consolidated Financial Statements.

On behalf of the Board of Directors,

Chairman of BOD



Nguyen Khanh Trinh

Hanoi, 31 March 2025

No: 15/2025/BCKT - CPAMB1

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To: The shareholders
 The Board of Directors and Executive of
 Clever Group Corporation

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Clever Group Corporation prepared on 31 March 2025, as set out from page 06 to page 39 including: Consolidated balance sheet as at 31 December 2024, Consolidated Income statement, Consolidated Cash flow statement and Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year then ended.

Responsibilities of the Executive Board

The Executive Board are responsible for the preparation and fair presentation of the Company's Consolidated Financial Statements in accordance with Vietnamese accounting standards, Vietnamese Corporate accounting system and other prevailing legal regulations, and for such internal control as the Directors determines is necessary to enable the preparation of Consolidated Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or errors.

Responsibilities of auditors

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated Financial Statements based on our audit. We have conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditors' judgments, including the assessment of the risks of material misstatements on the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or errors. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Unqualified audit opinion

In our opinion, in all material respects, the accompanying Consolidated Financial Statements give a true and fair view of the financial position of Clever Group Corporation as at 31 December 2024, and of its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and other prevailing legal regulations on preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

Emphasis matters

Not to negate the above audit opinion, we also want to recommend the readers to section 5.2 of the Notes to the Consolidated Financial Statements, the Company has owned bonds off Tan Thanh Long An Investment Joint Stock Company with the balance as at 31 December 2024 was VND 50,000,000,000. These bonds have a term of 05 years, issuance date on 20 May 2021, maturity date on 20 May 2026; bond interest paid periodically every 06 months, interest rate is not lower than 10% per year. However, during the year 2024, Tan Thanh Long An Investment Joint Stock Company has delayed interest payment on this lot of bonds. This Company has been freezing the collateral assets of the above bonds for investigation due to its relevant to the case of Van Thinh Phat Group. Currently, the case has a first-instance criminal judgment in phase 2, but the judgment has not taken legal effect yet because some defendants have filed an appeal and Saigon Commercial Joint Stock Bank (*collateral management organization*) has not received a written notice from the authorities allowing the termination of blocking and freezing of the collateral assets of the above bond.

We also want to mention the readers' attention to section 5.2 in the Notes to the Financial Statements, the Company's subsidiary (Clever Review Joint Stock Company) owns 2 lots of bonds of Hung Thinh Land Joint Stock Company (*bond code HTL-H2023-004 and HTL-H2023-007*) with a total balance as at 31 December 2024 of 6,280,900,000 VND. However, in 2024, Hung Thinh Land Joint Stock Company was delayed in paying principal and interest of these bonds. Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh Branch (*collateral management organization*) had a meeting to discuss with the issuer about the process of handling collateral to repay debt to bondholders but did not receive coordination to handle it voluntarily. On 05 April 2024, Tan Viet Securities Joint Stock Company filed a lawsuit with the People's Court of District 3, Ho Chi Minh City for the delayed payment of the HTL-H2023-004 bond. The lawsuit is in the process of providing documents and evidence to the Court.

Our audit opinion has not influenced by the above matters.



Nguyễn Thị Thu Hà

Vice Director

Certificate for Audit application registration: 1387-2023-137-1

On behalf and representative

CPA VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED - NORTHERN BRANCH

Hanoi, 31 March 2025

TĐ

Nguyễn Thị Trúc Giang

Auditor

Certificate for Audit application registration: 2272-2023-137-1

01917
CÔNG TY
NH
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
CHI NHÁNH
MIỀN BẮC
HANOI

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Currency: VND

ASSETS	CODE	NOTES	31 December 2024	01 January 2024
A. CURRENT ASSETS	100		208,919,031,383	264,500,307,724
I. Cash and cash equivalents	110	5.1	48,628,268,676	32,498,173,579
1. Cash	111		48,628,268,676	32,498,173,579
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Current financial investments	120	5.2	89,674,050,000	158,790,000,000
1. Trading securities	121		2,999,382,335	-
2. Provision for the diminution in value of trading securities (*)	122		(246,232,335)	-
3. Held-to-maturity investment	123		86,920,900,000	158,790,000,000
III. Current receivables	130		62,109,528,633	70,087,089,711
1. Current trade receivables	131	5.3	54,145,933,249	59,225,394,305
2. Current advance to suppliers	132	5.4	595,792,003	1,164,535,804
3. Current receivables from loans	135	5.5	3,210,000,000	2,451,793,496
4. Other current receivables	136	5.6	4,157,803,381	7,602,995,777
5. Provision for current doubtful debts (*)	137	5.7	-	(357,629,671)
IV. Inventories	140	5.8	7,325,976,386	2,009,453,522
1. Inventories	141		7,325,976,386	2,009,453,522
2. Provision for obsolete inventories (*)	149		-	-
V. Other current assets	150		1,181,207,688	1,115,590,912
1. Current prepaid expenses	151	5.9	138,156,587	518,254,896
2. Deductible value added tax	152		236,423,825	60,421,395
3. Taxes and other receivables from the State	153	5.17	806,627,276	536,914,621
B. NON - CURRENT ASSETS	200		287,540,543,999	185,393,833,826
I. Non - current receivables	210		343,340,151	5,299,769,291
1. Other non - current receivables	216	5.6	343,340,151	5,299,769,291
II. Fixed assets	220		23,270,308,898	8,389,283,110
1. Tangible fixed assets	221	5.11	5,839,234,413	4,832,173,610
- Historical cost	222		16,803,349,001	14,339,493,001
- Accumulated depreciation (*)	223		(10,964,114,588)	(9,507,319,391)
2. Intangible fixed assets	227	5.12	17,431,074,485	3,557,109,500
- Historical cost	228		19,286,511,265	4,780,511,265
- Accumulated depreciation (*)	229		(1,855,436,780)	(1,223,401,765)
III. Investment properties	230	5.13	159,682,320,907	43,883,603,675
- Historical cost	231		159,776,291,985	43,883,603,675
- Accumulated depreciation (*)	232		(93,971,078)	-
IV. Non - current assets in progress	240	5.10	-	40,216,000
1. Cost of construction in progress	242		-	40,216,000
V. Non - current financial investments	250	5.2	103,309,838,772	127,563,137,090
1. Investment in associates and joint ventures	252		11,378,736,457	11,684,761,645
2. Investment in other entities	253		3,000,000,000	-
3. Provision for non-current financial investments (*)	254		(98,572,784)	-
4. Held to maturity investment	255		89,029,675,099	115,878,375,445
VI. Other non - current assets	260		934,735,271	217,824,660
1. Non - current prepaid expenses	261	5.9	934,735,271	217,824,660
TOTAL ASSETS	270		496,459,575,381	449,894,141,551

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

(Continued)

Currency: VND

RESOURCES	CODE	NOTES	31 December 2024	01 January 2024
A. LIABILITIES	300		109,386,831,954	103,725,123,616
I. Current liabilities	310		106,491,278,790	100,784,993,780
1. Current trade payables	311	5.14	29,843,233,521	25,057,268,854
2. Current prepayments from customers	312	5.15	9,312,568,988	7,829,333,562
3. Taxes and other payables to the State	313	5.16	12,221,341,118	13,187,456,591
4. Payables to employees	314		2,432,644,710	2,617,041,631
5. Current accrual expenses	315	5.18	4,729,529,170	4,862,068,389
6. Current inter - company payables	316		-	-
7. Payables from construction contracts under percentage of completion method	317		-	-
8. Current unearned revenue	318		-	-
9. Other current payables	319	5.19	936,378,386	923,578,375
10. Current borrowing and finance lease liabilities	320	5.20	47,015,582,898	46,308,246,378
11. Current provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare fund	322		-	-
II. Non - current liabilities	330		2,895,553,164	2,940,129,836
1. Deferred income tax liabilities	341	5.21	2,895,553,164	2,940,129,836
B. OWNER'S EQUITY	400		387,072,743,427	346,169,017,935
I. Owner's equity	410	5.22	387,072,743,427	346,169,017,935
1. Contributed capital	411		213,805,210,000	213,805,210,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		213,805,210,000	213,805,210,000
- Preference shares	411b		-	-
2. Share premium	412		34,940,000	34,940,000
3. Foreign exchange difference	417		(1,350,593,536)	(423,062,122)
4. Undistributed post-tax profits	421		122,436,695,165	105,015,639,912
- Undistributed post-tax profits accumulated by the end of the previous period	421a		104,643,450,303	84,936,384,268
- Undistributed post-tax profits of current period	421b		17,793,244,862	20,079,255,644
5. Non - controlling interest	429		52,146,491,798	27,736,290,145
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY	440		496,459,575,381	449,894,141,551

Preparer



NGUYEN THI NGÀ

Chief Accountant



NGUYEN THI NGÀ



 Hanoi, 31 March 2025

 Director



 ĐON NU DUC HIEN

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended at 31 December 2024

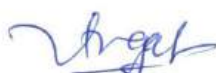
Currency: VND

ITEMS	CODE	NOTES	2024	2023
1. Revenue from sale of goods and rendering of services	01	6.1	464,186,251,921	411,871,183,400
2. Revenue deductions	02	6.2	219,545	-
3. Net revenue from sale of goods and rendering of services	10		464,186,032,376	411,871,183,400
4. Costs of goods sold	11	6.3	391,629,224,268	333,785,749,261
5. Gross profit/(loss) from sale of goods and rendering of services	20		72,556,808,108	78,085,434,139
6. Finance income	21	6.4	13,619,361,653	15,644,059,633
7. Finance expenses	22	6.5	2,605,309,655	4,193,778,271
- In which: Interest expense	23		1,641,730,429	3,795,023,476
8. Profit/(loss) in associates, joint venture companies	24		143,366,021	31,505,884
9. Selling expense	25	6.6	28,068,189,049	27,187,986,035
10. General and administrative expenses	26	6.6	27,336,484,088	31,049,471,776
11. Net profit/(loss) from operating activities	30		28,309,552,990	31,329,763,574
12. Other income	31	6.7	957,860,169	241,416,382
13. Other expenses	32	6.7	2,003,227,822	1,350,633,983
14. Other profit/(loss)	40		(1,045,367,653)	(1,109,217,601)
15. Profit/(loss) before tax	50		27,264,185,337	30,220,545,978
16. Current corporate income tax expense	51	6.9	6,278,393,926	7,855,123,006
17. Deferred corporate income tax expense	52	6.10	(44,576,673)	122,977,645
18. Net profit/(loss) after tax	60		21,030,368,084	22,242,445,322
19. Net profit/(loss) after tax of parent company's shareholders	61		17,793,244,862	20,079,255,644
20. Net profit/(loss) after tax of non - controlling's shareholders	62		3,237,123,222	2,163,189,678
21. Earnings per share	70	6.11	832	939
22. Diluted earnings per share	71		832	939

Preparer

Chief Accountant


NGUYEN THI NGÀ


NGUYEN THI NGÀ



Hanoi, 31 March 2025

Director

DON NU DUC HIEN

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT*Indirect method*

For the fiscal year ended at 31 December 2024

Currency: VND

ITEMS	CODE	2024	2023
I. CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Net profit/(loss) before tax	01	27,264,185,337	30,220,545,973
2. Adjustment for:			
- Depreciation	02	2,182,801,290	1,905,071,748
- Provisions	03	(12,824,550)	-
- Unrealized foreign exchange (gains)/losses	04	(556,623,089)	(63,763,779)
- (Profits) losses from investing activities	05	(13,347,038,067)	(15,405,306,317)
- Interest expense	06	1,641,730,429	3,795,023,476
3. Operating profit/(loss) before changes in working capital	08	17,172,231,350	20,451,571,101
- Increase/(decrease) in receivables	09	8,052,272,915	45,113,254,183
- Increase/(decrease) in inventories	10	(5,316,522,864)	(607,519,924)
- Increase/(decrease) in payables (Other than interest, corporate income tax payable)	11	6,412,573,844	(8,351,173,719)
- Increase/(decrease) in prepaid expenses	12	(561,115,471)	258,022,783
- Increase/(decrease) in trading securities	13	(2,999,382,335)	-
- Interest paid	14	(1,606,778,005)	(3,765,845,415)
- Corporate income tax paid	15	(6,489,663,798)	(10,350,841,568)
Net cash inflows (outflows) from operating activities	20	14,663,615,636	42,747,467,441
II. CASH FLOW FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Purchase and construction of fixed assets and other long - term assets	21	(131,886,280,740)	(28,254,068,774)
2. Proceeds from sale, disposals of fixed assets and other long - term assets	22	13,413,636,364	-
3. Lending, buying debt instruments of other entities	23	(232,335,000,000)	(262,558,571,492)
4. Loan recovery, resale of debt instruments of other entities	24	334,852,800,000	174,988,617,550
5. Capital contribution to other entities	25	(3,000,000,000)	-
6. Interest and dividends received	27	13,006,717,606	14,918,763,089
Net cash inflows (outflows) from investing activities	30	(5,948,126,769)	(100,905,259,627)
III. CASH FLOW FROM FINANCIAL ACTIVITIES			
1. Capital contribution and issuance of shares	31	7,344,000,000	-
2. Borrowing received	33	266,185,306,599	256,715,135,883
3. Borrowing repayment	34	(265,477,970,079)	(199,925,209,894)
4. Dividends paid	36	(676,921,569)	(892,359,287)
Net cash inflows (outflows) from financial activities	40	7,374,414,951	55,897,566,702
NET CASH INFLOWS (OUTFLOWS)	50	16,089,903,818	(2,260,225,485)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	32,498,173,579	34,814,577,683
Effect of foreign exchange on cash and cash equivalents	61	40,191,279	(56,178,618)
Cash and cash equivalents at the end of the period	70	48,628,268,676	32,498,173,579

Preparer

NGUYEN THI NGA

Chief Accountant

NGUYEN THI NGA

Hanoi, 31 March 2025
 Director

 ĐƠN NÚ DUC HIEN

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended at 31 December 2024

1. CORPORATE INFORMATION**1.1 Formal equity**

Clever Group Corporation formerly known as Clever Advertising Corporation was established under Enterprise Registration Certificate No. 0103026173 dated 04 August 2008 firstly issued by Hanoi Authority for Planning and Investment. During the operation, the changes in business function, the chartered capital, the legal representative of the Company were also approved by the Department of Planning and Investment of Hanoi city in the Amended Registration Certificates from the first to the 21st dated 14th January 2025.

Authorized Capital of the Company under the 21st Amened Enterprise Registration Certificate No. 0102850165 dated 14th January 2025 is VND 213,805,210,000 (*In word: Two hundred and thirteen billion eight hundred and five million two hundred and ten thousand dong*).

The Company's shares have been transacted on Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) with stock symbol of ADG.

The Company's head office is located at Floor 3, G1 block, Five Star Building, No.2 Kim Giang, Ha Dinh ward, Thanh Xuan District, Hanoi.

The number of Company's employees as at 31 December 2024 was 242 people, of which manager was 09. (The number of Company's employees as at 31 December 2023 was 258 people).

1.2 Principal business and activities

The Company's main activities is to provide advertising services.

The principal activities of the Company are:

- *Information technology services and other activities related to computer. Detail: Computer service and other services related to computer;*
- *Advertising. Detail: Advertising service (except tobacco advertising service);*
- *Management consulting service. Detail: Management consulting service;*
- *Other business support service activities unclassified. Detail: Telex service;*

1.3 Normal business cycle:

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months.

1.4 The Company's structure

As at 31 December 2024, the Company has branches, subsidiaries and associates as below:

	Subsidiaries/Associate	Location	Proportion of ownership interest	Proportion of voting power held	Main activities
	<i>Subsidiaries</i>		(%)	(%)	
1.	PT CleverAds	Indonesia	95	95	Management consultancy
2.	Clever Review Coporation	Vietnam	70	70	Advertising service
3.	CleverAds Myanmar Co., Ltd.	Myanmar	99	99	Advertising service
4.	Orion Media Joint Stock Company	Vietnam	77	77	Media content producing, Brand name and products advertising

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

1. CORPORATE INFORMATION (CONTINUED)**1.4 The Company's structure (Continued)**

	Subsidiaries/Associate	Location	Proportion of ownership interest	Proportion of voting power held	Main activities
	<i>Subsidiaries</i>		(%)	(%)	
5.	NAH Media Joint Stock Company	Vietnam	72	72	Media content producing, Brand name and products advertising
6.	ADTech Advertising Technology Corporation (ii)	Vietnam	60	60	Deploying new technical solutions, expanding and improving the effectiveness of advertising channels. Optimizing revenue for mobile apps base don blockchain technology and AI
7.	Clever X Online Coporation (ii)	Vietnam	75	75	Agents, brokers, other supporting service related to transport, computer programming, data processing, leasing, information portals, other under categorized information services
8.	Cmetric Corporation	Vietnam	88,33	88,33	Information technology service and other computer service
9.	New class education technology corporation	Vietnam	97,5	97,5	Educational support services
10.	AGLOBAL Joint Stock Company	Vietnam	85	85	Portal (except press activities) detail setting up social networks, e-commerce services
11.	CLEVER ADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Advertising service
12.	Clever Real Estate Joint Stock Company	Vietnam	80,84	80,84	Trading real estate
	<i>Associates</i>				
1.	Clever network Advertising Joint Stock Company	Vietnam	40	40	Mobile advertising
2.	ADOP Vietnam Company Limited (i)	Vietnam	40	40	Information technology service and other computer related service
3.	TECHCEN Joint Stock Company (ii)	Vietnam	29,3	29,3	Computer programmer
4.	VKIDS Vietnam Limited Company	Vietnam	39	39	Selling software
5.	Lazi Technology Joint Stock Company	Vietnam	48,8	48,8	Advertising service

(i) ADOP Vietnam Company Limited is in the process of completing business dissolution procedures.

(ii): TECHCEN Joint Stock Company, ADTECH Advertising Technology Joint Stock Company and Clever X Online Joint Stock Company has completed the dissolution procedures and annoucement of the dissolution/termination of the corporate's existence from the Hanoi Department of Planning and Investment on 13 May 2024, 17 February 2025 and 20 February 2025 respectively.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

1. CORPORATE INFORMATION (Continued)**1.4 The Company's structure (Continued)**

The affiliated units as at 31 December 2024 include:

Name	Address
Branch at Hochiminh city	Commercial, service, office, officetel and apartment area (Orchard Garden Building) at No.128 Hong Ha Street, Ward 09, Phu Nhuan District, City. Ho Chi Minh
Branch at Da Nang city	VIET Building, No. 199 Dong Da, Thach Thang Ward, Hai Chau District, Da Nang City

1.5 Declaration on comparative information in the Financial Statements

The Company consistently applies accounting policies according to the Corporate Accounting System issued together with Circular No. 200/2014/TT/BTC dated 22 December 2014 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing some articles of Circular No. 200/2014/TT - BTC dated 22 December 2014 issued by the Ministry of Finance, therefore, information and data are presented in the Consolidated Financial Statements is comparable.

2. ACCOUNTING CURRENCY AND ACCOUNTING PERIOD**2.1 Accounting period**

The Company's fiscal year starts on 01 January and ends on 31 December of the calendar years.

2.2 Accounting currency

The Company maintains its accounting records in Vietnam dong (VND).

3. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM APPLIED**3.1 Accounting system applied**

The Consolidated Financial Statements of the Company, which are prepared in accordance with Vietnamese Corporate Accounting System approved by the Ministry of Finance in Circular No. 200/2014/TT - BTC dated at 22 December 2014 and Circular 53/2016/TT - BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing some articles of Circular No. 200/2014/TT - BTC.

3.2 Basic of consolidation

The Consolidated Financial Statements are prepared on the basis of the consolidated financial statements of the parent company and those of its subsidiaries which the Company can control as at 31 December 2024. The accompanying Consolidated Financial Statements are presented in Vietnam Dong (VND) in accordance with Vietnam Accounting Standards and Circular No. 202/2014/TT - BTC dated at 22 December 2014 issued by the Ministry of Finance guiding the preparation of the Consolidated Financial Statements, prepared on the principle of cost and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, prevailing Vietnamese corporate accounting systems and legal regulation related to preparation and presentation of financial statements.

Consolidated Financial Statements are not intended to present the consolidated financial position, consolidated operation results and consolidated cash flows in accordance with accounting principle and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Basis for preparing the converted financial statements

For statutory reporting purposes as regulated by Vietnamese laws, the Company converted PT CLEVER ADS's and CLEVER ADS PHILIPPINES financial statements for the year ended 31 December 2024 prepared in Rupiah ("IRD") into Vietnam Dong ("VND") based on the following principles:

- Assets and liabilities are converted into Vietnam Dong at the actual closing rate (i.e., the transfer rate of Citi bank where the Company regularly has transactions at the reporting date);

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

3. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM APPLIED (Continued)**3.2 Basic of consolidation (Continued)**

- Owner's contributed capital (owner's contributed capital, share premium, other capitals, bond conversion option) is converted into Vietnam Dong at the actual transaction rates at the capital contribution dates;
- Exchange rate and difference in revaluation of assets are converted into Vietnam Dong at the actual exchange rate at the date of assessment;
- Retained earnings arising after the investment date are translated into Vietnam Dong based on the come statement items;
- Items of the income statement and the cash flow statements are converted into Vietnam Dong at the actual transaction rates at the dates of the transactions. If the average exchange rate of the financial year is approximately equal to the actual exchange rates at the dates of the transactions (with the difference of no more than 3%), the average exchange rate may be applied (if choose).
- Exchange differences arising on the conversion of the financial statements prepared in foreign currency into Vietnam Dong are presented in the "Foreign exchange reserve" line item with the code 417 under the "Equity" section in the consolidated balance sheet.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Company effectively obtains control of subsidiaries and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The Financial Statements of subsidiaries are prepared for the same accounting period as the parent company, using consistent accounting policies. If necessary, appropriate adjustments are made to Financial Statements of subsidiaries for the consistent accounting policies within the group. All inter-company transactions, balances and unrealized gains or loss result from inter-company transactions are eliminated in full.

Non - controlling interest

Non - controlling interests comprise the interests of non - controlling shareholders at the date of initial consolidation and these interests in equity's movements from the date of the consolidation. The loss applicable to the non - controlling shareholders' equity in excess their equity in total equity of the subsidiary, are reduced in the Company's interest except the non - controlling shareholder has a binding obligation to, and is able to, offset such losses.

Business combination

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess between the cost of acquisition and the total fair values of the assets acquired is recognized as goodwill. Any shortfall between the purchase price and the total fair value of acquired assets is recognized in the Income Statements for the year in which the acquisition of the subsidiary is incurred.

Investments in associates

An associate is an entity over which the Company has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decision of the investor but not control or joint control over those policies.

The results and assets and liabilities of associates are incorporated in these financial statements using the equity method of accounting. Interests in associates are carried in the balance sheet at cost as adjusted by post-acquisition changes in the Company's share of the net assets of the associate. Losses of an associate in excess of the Company's interest in that associate (which includes any long-term interests that, in substance, form part of the Company's net investment in the associate) are not recognized.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

3. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM APPLIED (Continued)**3.2 Basic of consolidation (Continued)****Goodwill**

Good will represents the excess of the cost of acquisition over the Company's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities and contingent liabilities of a subsidiary, associate or jointly controlled entity at the date of acquisition. Goodwill is amortized on the straight-line basis over its estimated period of benefit of 02 years.

Goodwill arising on the acquisition of associates and jointly controlled entities is included in the carrying amount of the associates and jointly controlled entities. Goodwill arising on the acquisition of subsidiaries is presented separately as an asset in the Consolidated Balance Sheet.

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Accounting estimates

To comply with Accounting Standards, Accounting System and prevailing regulations in Vietnam, the Executive Board have been required to have the estimates and assumptions influence on liability, assets, contingent liability and assets as at the date of the consolidated financial statements as well as revenue and expenditure in the fiscal year. Actual business results could differ from those estimates and assumptions.

Accounting principle of Cash and cash equivalents

Cash consist of cash on hand and cash at banks.

Cash equivalent comprise current investments with maturity of less than three months can be transferred easily to cash without any risks in transferring since the date of purchase.

Accounting principle for transaction in foreign currencies

Transaction in foreign currencies during the fiscal year are denominated in Vietnam dong at the actual exchange rate at the transaction date. The actual exchange rate is determined according to the following principles:

- When buying and selling foreign currency: is the rate specified in the foreign currency purchase and selling contract between the Company and commercial bank;
- When recording liabilities: is the selling rate of the commercial bank where the Company intends to transact at the time of the transaction occur.

The actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the Balance sheet date is determining according to the following principles:

- For foreign currency deposits: apply the buying rate at the Bank where the Company opens a foreign currency account;
- For items classified as liabilities: apply the selling rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transactions.

Actual exchange rate differences arising during the year and differences due to revaluation of monetary items denominated in foreign currency at the Balance sheet date are recognized at Finance income or Finance expenses in the fiscal year.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Accounting principle of Financial investments*****Trading securities:***

Trading securities are securities held by the Company for trading purposes. Trading securities are recorded in accounting books at cost. The cost of trading securities is determined according to the fair value of payments at the time the transaction occurs plus costs related to the transaction of purchasing trading securities.

In subsequent accounting periods, securities investments are determined at cost less any provision for diminution of value on trading securities.

Provision for devaluation of trading securities is made in accordance with current accounting regulations.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits, bonds, and loans held to maturity to earn periodic interest and other held to maturity investments

Held to maturity investment are recognized on a trade basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction cost. Post-acquisition interest income from held to maturity investments is recognized in the income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost subtract provision for doubtful debt.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Receivables from loans

Receivable from loans are measured at cost minus provision for doubtful debt.

Provision for doubtful debt relating to loan receivables is made in accordance with prevailing accounting regulation.

Investment in associates and others

Investments in associates are recognized using equity method. Other investments are recognized using the historical cost method, whereby the historical cost of an investment is determined at the purchase price add all costs related to the purchase. In subsequent financial years, investments are recorded at their original cost subtract allowance for diminution in value of investments.

Provisions are made when the reduction in value of investments occurs at the balance sheet date. An increase or decrease in the provision account balance is recognized as a financial expense in the Income Statement.

Accounting principle of receivables

Receivables are amounts that can be collected from customers or other entities. Receivables are presented in the Consolidated Financial Statements at the carrying amounts less the estimated provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts are assessed and considered for receivables that are overdue and difficult to collect, or receivables that the debtors is unable to payment due to liquidation, bankruptcy or similar difficulties.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Accounting principle of Inventories**

Inventories are the uncompleted work in process of contracts. This cost included the necessary expenses to aggregate cost of sales in accordance with the current accounting regulations.

Accounting principle and depreciation of Tangible fixed assets

Tangible fixed assets is measured at historical cost less accumulated depreciation. The historical cost of tangible fixed asset comprises of its purchase price and any directly attributable costs to bring the tangible fixed asset into working condition for its intended use.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

Fixed assets	Years
Means of transport	06 - 08 years
Office equipments	03 years
Machinery and equipment	04 years

Accounting principle and depreciation of Intangible fixed assets

The Company's intangible fixed assets are computer software, land use right and copyrights and patents which are stated at historical cost minus accumulated amortization.

The historical cost of intangible fixed asset comprises of its purchase price and any directly attributable costs to bring the tangible fixed asset into working condition for its intended use.

Intangible fixed assets are copyrights and patents which are amortized on a straight-line basis over 20 years; land use right are amortized over 60 years and the value of computer software is amortized on a straight-line basis over 08 years.

Accounting principle and depreciation of Investment properties

Investment properties, including land use rights and assets attached to land, are held by the Company for the purpose of gaining interest from an increase in value and are stated at cost minus accumulated depreciation.

The historical cost of investment property includes all costs (cash and cash equivalents) that the Company spends or the fair value of other amounts offered in exchange for the acquisition of the investment property, to the time of purchase or completion of such Investment Property.

Expenses related to investment properties incurred after initial recognition must be recognized as production and business expenses in the period, unless this expense is likely to cause investment properties to make generate future economic benefits more than initially assessed, it will be recognized as an increase in the historical cost of the investment property.

Investment properties for lease are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Land use right	30 years
Building and structures	30 years

No depreciation has been recorded for investment properties held for increase price.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Accounting principle of prepaid expenses**

Prepaid expenses include expenses actually incurred but related to the result of business activities of many accounting periods. Prepaid expense include the following expenses:

Tools and supplies

Tools and instruments that have been put into used are amortized to expense on a straight - line basis over the amortization period from 12 to 36 months.

Office rent prepaid

Office rent prepaid represents the office rent paid for the area where the Company renting. Office rent prepaid are amortized on a straight - line basis over the period prepaid.

Others

Other prepaid costs include car insurance, road tolls, digital signatures, interior construction costs for fire protection systems and server service rental allocated over a period of 06 to 36 months.

Accounting principle of cost of construction in progress

Assets in construction progress for production, rental, administration or any other purpose are stated at cost. This cost includes service costs and related interest expenses in accordance with the Company's accounting policies. Depreciation for these assets is applied in the same way for other assets, starting from the assets is ready for use.

Accounting principle of payables

Payables shall be recorded specifically to original term and remaining term as at reporting date, original currencies and each object.

Payables including trade payables, debt payables, intra-company payables and other payables are liabilities which can be measured reliably at the amount and time, and recognised not less than the obligation to pay, classified as follows:

- Trade payables: includes trade payables arising from the purchase of goods, services and assets between the Company and the seller who is an independent unit of the Company.
- Other payables include payables of non-commercial nature, unrelated to the purchase, sale and provision of goods and services.

Accounting principle of borrowing

Includes borrowings excluding borrowings in the form of an issue of bonds or preferred shares with a provision that obliges the issuer to redeem it at a specified time in the future.

Borrowing shall be recorded specifically to object and classified current and non - current by repayment period.

Expenses that are directly attributable to the borrowing are recognized as finance expense, except for cost incurred on a separate borrowing for investment, construction or production in progress, which are capitalized under Accounting Standard Borrowing expense.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Accounting principle of accrual expenses**

Accrued expenses include expenses have been recorded into the operating cost, but not actually paid at the end of the fiscal year to ensure the consistency between revenues and expenses. By the time actually spent, any difference (if any) between record value and conduct value will be added or reduced. Accrued expenses at the balance sheet date include interest expense payable and other payables of the contracts which has been recorded revenue in the year.

Accounting principle of owner's equity

Owner's equity is recognized under actual contribution of the shareholders

Share premium is recognized according to the difference between the issue price and par value of shares when additionally issued. Direct expenses related to the additional issuance of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a reduction in share premium.

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders in accordance with the Company's Charter as well as the provision of Law and has been approved by the General Meeting of shareholders.

Accounting principle of Revenue and other revenue

The Company's revenue includes revenue from providing advertising services, revenue from goods sold and transfer of investment real estate.

Revenue from sales of goods and products

Sales revenue is recognized when all five (5) of the following conditions are simultaneously satisfied:

- The Company has transferred most of the risks and benefits associated with ownership of the product or goods to the buyer;
- The Company no longer holds the right to manage the goods as the owner of the goods or the right to control the goods;
- Revenue is determined relatively reliably;
- The Company will gain economic benefits from the sales transaction; and
- Identify costs related to sales transactions.

Revenue from services render

Revenue from a service transaction is recognized when the outcome of the transaction can be measured reliably. In case the service provision transaction involves many periods, revenue is recognized in the period according to the result of the work completed as at the balance sheet date of that period. The outcome of a service transaction is determined when all four (4) of the following conditions are satisfied:

- The revenue can be measured reliably;
- It is likely to obtain economic benefits from the transaction of providing such services;
- The portion of work completed at the balance sheet date can be determined; and
- Determine the costs incurred for the transaction and the cost to complete the transaction providing that service.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Accounting principle of Revenue and other revenue (Continued)*****Revenue from transfer of investment real estate***

Real estate sold revenue is recognized when all of the following conditions are simultaneously satisfied:

- The real estate has been completely completed and handed over to the buyer, the business has transferred the risks and benefits associated with real estate ownership to the buyer.
- The Company no longer holds the right to manage real estate as the owner of real estate or the right to control real estate.
- Revenue is determined relatively reliably.
- The Company has obtained or will receive economic benefits from the real estate sale transaction.
- Identify costs related to real estate sales transactions.

Revenue from interest, dividend and distributed profits and other income:

Revenue is recognized when it is probable that the economic benefits associated with the activities will flow to the Company and it can be measured reliably.

Accounting principle of cost of goods sold

Cost of goods sold reflect the cost of services provide, cost of investment real estate transferred and cost of goods sold in the fiscal year on the principle of matching with revenue.

Principle and method of recording finance expense

Finance expense reflects financial operating cost including expenses of lending and borrowing and losses from exchange rate.

Principle and method of recording corporate income tax expense and deferred income tax expense

Corporate income tax expense (or corporate tax income): The sum of current tax expense and deferred tax expense (or current tax income and deferred taxable income) when determined the profit or loss for a period.

Current corporate income tax (CIT): is the payable corporate income tax amount calculated on the taxable income for the year and the current corporate income tax rate. Current income tax is calculated based on taxable income and the applicable tax rate for the tax period. The difference between the taxable income and the accounting profit is due to the adjustment of the differences between the accounting profit and the taxable income according to the current tax regulation.

Deferred income tax: is the amount of corporate income tax payable in the future arising from: recognition of deferred tax payable during the year; reversal of deferred tax assets recognized from previous years; deferred tax assets or deferred tax liabilities arising from transactions are recognized directly in equity.

The Company is obliged to pay corporate income tax at the tax rate of 20% on taxable income.

The determination of the Company's income tax is based on current tax regulations. However, these regulations change from time to time and the final determination of corporate income tax depends on the examination results of the competent tax authorities.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

4. ACCOUNTING POLICIES APPLIED (Continued)**Earnings per share**

Earnings per share for ordinary shares are calculated by dividing the profit or loss attributable to shareholders of common stock by the weighted average number of ordinary shares outstanding for the period. Diluted earnings per share is determined by adjusting the profit or loss attributable to the owners of ordinary shares and the weighted average number of ordinary shares outstanding for the effect of those ordinary shares. potentially dilutive include convertible bonds and stock options.

Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered related if they are subject to common control or common significant influence.

In considering related party relationships, the nature of the relationship is emphasized more than the legal form.

Segments report

Segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in the provision of a related product or service (business segment), or in the provision of a product or service to the extent possible, a particular economic environment (geographical segment) that is subject to risks and rewards that are different from those of other departments. The Board of Executive believes that the Company operates in business departments of advertising and operates in a geographical department mainly in Vietnam (due to revenue from overseas subsidiaries accounts for a small proportion) so the department report will be prepared by business sector.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

5.1 Cash and cash equivalents

	31 December 2024 VND	01 January 2024 VND
Cash in hand	7,617,547,330	8,893,043,906
Cash at banks	41,010,721,346	23,605,129,673
Cash equivalent	-	-
Total	48,628,268,676	32,498,173,579

5.2 Financial investment

a. Trading securities

	31 December 2024 (VND)			01 January 2024 (VND)		
	Cost	Fair value	Provision	Cost	Fair value	Provision
- Stocks						
No Va Real Estate Investment						
Group Joint Stock Company	2,999,382,335	2,753,150,000	(246,232,335)	-	-	-
Total	2,999,382,335	2,753,150,000	(246,232,335)	-	-	-

b. Held to maturity investment

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Cost	Book value	Cost	Book value
Current	86,920,900,000	86,920,900,000	158,790,000,000	158,790,000,000
- Terms deposits	80,640,000,000	80,640,000,000	152,490,000,000	152,490,000,000
- Bonds (i)	6,280,900,000	6,280,900,000	6,300,000,000	6,300,000,000
Hung Thinh Land Joint Stock Company (5)	6,280,900,000	6,280,900,000	6,300,000,000	6,300,000,000
Non - current	89,029,675,099	89,029,675,099	115,878,375,445	115,878,375,445
- Bonds (i)	89,029,675,099	89,029,675,099	115,878,375,445	115,878,375,445
Saigon Glory Company Limited (1)	34,122,969,465	34,122,969,465	60,337,669,811	60,337,669,811
Tan Thanh Long An Investment Joint Stock Company (2)	50,000,000,000	50,000,000,000	50,000,000,000	50,000,000,000
Nam Phuong Energy Investment Joint Stock Company (3)	4,487,301,000	4,487,301,000	4,987,301,000	4,987,301,000
An Phat Technology Trading Joint Stock Company (4)	419,404,634	419,404,634	553,404,634	553,404,634
- Others	-	-	-	-
Total	175,950,575,099	175,950,575,099	274,668,375,445	274,668,375,445

(i): Bonds will be held to maturity; which has interest rate from 8% to 11.123% per year; detail as follows:

(1): Bond of Saigon Glory Company Limited (SGL) have a term of 03 years, the issuance date is 18 June 2020 and 28 July 2020, the maturity date is 18 June 2023 and 28 July 2023. Bond interest is paid periodically every 3 months; Investment interest rates range from 10,869%/year to 12,024%/year. Collateral is the property right arising from the capital contribution of BITECO Group Co., Ltd into Saigon Glory with value of VND 7,000,000,000,000 (hold 100% of charter capital) and assets on the land formed in the future of component project "The Spirit of Saigon" (including property in Tower A - office and hotel components). Collateral is managed by Vietnam Technological and Commercial JS Bank.

According to the resolution of SGL bond holders dated 05 February 2024, the bond lots the Company owns above will be extended from June to November 2025. During the extension period, the bond will have an interest rate of 8%/year; the interest calculation period is changed to 12 months/term from the date of renewal.

On 18 September 2024; BITECO Group Company Limited has announced the transfer of capital contribution in Saigon Glory Company Limited (used as collateral for the above bond batch) to Phuong Dong Hanoi Real Estate Company Limited. Agreements on the implementation of regulations in the Resolution of SGL bond holders dated 05 February 2024 accompanying the transfer contract include:

+ BITECO Group commits to continue to fulfill the obligation to pay principal and interest of SGL bond batches from 01 September 2024 to the end of the period on 12 June 2025 and the interest amount of the payment period on 18 June 2025;

+ Phuong Dong Hanoi Real Estate Co., Ltd. will continue to fulfill the obligation to pay the principal amount of the payment period on 18 June 2025 and the obligation to pay principal plus interest on SGL bond batches since 18 June 2025.

On 04 October 2024, the two parties has completed the procedures for transferring capital contributions at Saigon Glory Co., Ltd..

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.2 Financial investment (Continued)****b. Held to maturity investment (Continued)**

On 12 October 2024, Saigon Glory Co., Ltd and Phuong Dong Hanoi Real Estate Co., Ltd and Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank has completed the procedure to re-mortgage the the capital contribution to ensure the obligations of the bond batches according to Mortgage Contract No. 01/2024/HDTCPVG/BDSPDHN-TCB dated 10 October 2024. Collateral assets of the above bond batches after transfer include the property rights arising from the capital contribution of Phuong Dong Hanoi Real Estate Co., Ltd. into Saigon Glory Co., Ltd. with value of VND 7,000,000,000,000 (hold 100% of charter capital) and assets on the land formed in the future of component project "The Spirit of Saigon" (including property in Tower A - office and hotel components). Collateral is managed by Vietnam Technological and Commercial JS Bank.

(2): Bond of Tan Thanh Long An Investment JSC have term of 05 years, the issue date is 20 May 2021, the maturity date is 20 May 2026; interest paid periodically every 06 month; investment interest rate is not lower than 10% per year. Collateral is the right of use 2.901.992 m2 in Tan Lap commune, Thu Thua district, Long An province with term of use until 30 March 2056 of Tan Thanh Long An Investment JSC was granted a certificate of land use right by the People's Committee of Long An province issued on 29 September 2009. Collateral is managed by Saigon Commercial Joint Stock Bank.

The collateral for the above bond batch is being blocked, blocking transactions by the request of the Police Investigation Agency - Ministry of Public Security to its relevant to the case of Van Thinh Phat Group. Currently, the judgment has not taken legal effect yet because some defendants have filed an appeal and Saigon Commercial Joint Stock Bank (collateral management organization) has not received a written notice from the authorities allowing the termination of blocking and freezing of the collateral assets of the above bond.

(3): Bond of Nam Phuong Energy Investment JSC have term of 05 years, the issue date is 23 August 2021, the maturity date is 23 August 2026; interest paid periodically every 03 month with investment interest rate of 11.123% per year. Collateral is the right to exploit iron ore at the Iron ore mining and selection project Ba Hon - Lang Lech mine, Son Thuy commune, Van Ban district, Lao Cai province under the mining license No. 1408/GP-BTNMT issued on 29 August 2012 by Lao Cai Mining and Mineral Processing JSC, machinery and equipments according to detail list of fixed asset of Lao Cai Mineral Exploitation and Processing JSC with historical cost of VND 30,000,000,000 and capital contribution of Mr. Vu Quang Bao in BITEXCO Group Co., Ltd (holding 3,2% of charter capital). These collateral are managed by by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Hanoi branch.

(4): Bond of An Phat Technology Trading JSC have term of 08 years, the issued date is 30 December 2020, the maturity date is 30 December 2028; interest paid periodically every 03 month with investment interest rate of 11% per year. Collateral is shares owned by Mr. Nguyen Manh Ha (388,500 shares, hold 35% charter capital) in An Phat Technology Trading JSC; all rights and interest under the office rental contracts and management services related to the Project "Informatics software production center for domestic and export" (An Phat Building); Certificate of ownership of 700 m2 land and assets on the land is the "Informatics software production center for domestic and export" of An Phat Technology Trading JSC. These collateral are managed by by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh branch.

(5): Bond of Hung Thinh Land have term of 03 years, the issue date is 31 August 2020, the maturity date is 31 August 2023; interest paid periodically every 03 month with investment interest rate of 11.374% per year.

Collateral for Hung Thinh Land bond (code HTL 004) is the right to use of 75,482.4 m2 land in Phuoc Thuan commune, Xuyen Moc district, Ba Ria - Vung Tau province with a land use term of 50 years from 28 June 2005 of Minh Tuan Song Ray Tourism Co., Ltd; 25,758,400 shares of Hung Thinh Group JSC in Hung Thinh Land JSC and 4,241,600 shares in Hung Thinh Land owned by Mr. Le Ngoc Trieu; 76,000,000 shares owned by Mrs. Cao Thi Tuyet, Hung Thinh Land JSC and Hung Thinh Quy Nhon at Minh Tuan Song Ray (hold 100% charter capital); a property rights future arising from or related to "Ho Tram Complex Project" in Phuoc Thuan Commune, Xuan Moc district, Ba Ria - Vung Tau province invested by Minh Tuan Song Ray Tourism Co., Ltd. These collateral are managed by by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh branch.

Collateral for Hung Thinh Land bonds (code HTL 007) is 40,000 shares owned by Mr. Le Ngoc Trieu at Hung Thinh Land JSC; 18,000,000 shares owned by Hung Thinh Group JSC at Hung Thinh Land JSC; 49,500,000 shares owned by Mr. Khuat Tung Phong, Hung Thinh Land JSC and Hung Thinh Quy Nhon Entertainment Services JSC at Tan Van Hoa (hold 100% charter capital); right of use land plot 342, 347, 346, 343, 344 and 345 in Ho Nai ward, Bien Hoa city, Dong Nai province; all property rights (excluding land use rights and house ownership) arising from or related to project investment in The commercial area, office building and residential area in Ho Nai ward, Bien Hoa city, Dong Nai province invested by Tan Van Hoa construction and trading JSC. These collateral are managed by by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh branch.

According to the decision of bond holders HTL-H2023-007 dated 27 November 2023, HTL-H2023-007 bonds with a maturity date of 31 August 2023 will be extended until 30 November 2024. During the extension period, the interest calculation period changes to 01 month/term from the date of extension.

However, during the year, Hung Thinh Land Joint Stock Company was late in paying principal/interest. Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tan Dinh Branch (collateral management organization) had a meeting to discuss with the issuer about the process of handling collateral to repay debt to bondholders but did not receive coordination to handle it voluntarily. On 05 April 2024, Tan Viet Securities JSC filed a lawsuit with the People's Court of District 3, Hochiminh city for the delayed payment of bond batch HTL-H2023-004. The lawsuit is in the process of providing documents and evidence to the Court.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)

5.2 Financial investment (Continued)

c. Investment in associates

	31 December 2024 (VND)			01 January 2024 (VND)		
	Cost	Provision	Fair value (i)	Cost	Provision	Fair value (i)
Clever Network Advertising JSC	1,472,209,691		-	1,473,885,018	-	
ADOP Vietnam company limited	2,095,618,085		-	2,095,618,085	-	
VKIDS Vietnam Limited Company	3,300,995,115		-	3,262,930,468	-	
Lazi Technology Joint Stock Company	4,509,913,566		-	4,435,690,605	-	
TECHCEN Joint Stock company	-		-	416,637,469	-	
Total	11,378,736,457	-	-	11,684,761,645	-	-

(i) The Company has not determined the fair value of the financial investments in subsidiaries and associates as at the balance sheet date because there is currently no comprehensive guidance on determination of fair value of these financial investments.

d. Investment in other entities

	31 December 2024 (VND)			01 January 2024 (VND)		
	Cost	Provision	Fair value (i)	Cost	Provision	Fair value (i)
- ADELA Building Joint Stock Company	3,000,000,000	(98,572,784)		-	-	
Total	3,000,000,000	(98,572,784)	-	-	-	-

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.3 Current trade receivables**

	31 December 2024 VND	01 January 2024 VND
International Medical Investment and Consulting Company Limited	813,580,200	1,320,000,000
INOUE VIETNAM RUBBER COMPANY LIMITED (IRC Viet Nam)	2,166,717,600	395,560,800
VAM Investment Joint Stock Company	929,681,830	1,061,291,218
Vietnam Airlines Corporation	6,863,284,697	7,986,987,180
NOVAREAL Joint Stock Company	3,959,597,650	4,231,869,649
AEONMALL Long Bien Company Limited	1,206,921,816	932,201,838
Tien Phong Joint Stock Commercial Bank	1,819,217,868	734,271,523
TIKI Joint stock company	-	3,637,513,934
Kim Dental Company Limited	-	1,879,818,221
Far East Entertainment Co., Ltd	-	1,323,021,166
Vietnam Prosperity JS Commercial Bank	2,479,965,045	-
Branch of LG ELECTRONICS Vietnam Hai Phong Co., Ltd. in Hanoi	3,077,361,240	-
GOLDEN IMC GROUP HOLDINGS Company Limited	2,296,382,279	-
Wine Vietnam Company Limited	43,397,932	1,030,938,400
MASSAN Consumer Goods JS Company	557,856,000	1,301,517,140
Others	27,931,969,092	33,390,403,236
Total	54,145,933,249	59,225,394,305
<i>In which:</i>		
Trade receivables from related parties (Details at Notes 7.2 - Related parties).	545,221,121	1,181,151,932

5.4 Current advance to suppliers

	31 December 2024 VND	01 January 2024 VND
88 VN Construction Architecture JSC	-	600,000,000
Moc Xanh Construction Architecture Company Limited	-	197,299,872
VNPT Building Management and Operation Joint Stock Company	-	72,000,000
IM Vietnam Digital Entertainment Co., Ltd	-	121,000,000
Lionise Media Digital Media Solutions JSC	39,247,200	-
Hong Lam Joint Stock Company	26,925,875	-
My Second Home Company Limited	200,000,000	-
Do Thiet Trading and Construction Co., Ltd	240,000,000	-
Ailand Construction Joint Stock Company	50,000,000	-
Others	39,618,928	174,235,932
Total	595,792,003	1,164,535,804

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.5 Receivables form loans**

	31 December 2024	01 January 2024
	VND	VND
Current	3,210,000,000	2,451,793,496
PIHOME Technology JSC	500,000,000	500,000,000
Business promotion and electrical technical service Company limited	-	1,500,000,000
Mr. Thai Thanh Long	-	451,793,496
Mr. Ta Van Tien (i)	2,000,000,000	-
ADELA BUILDING Joint Stock Company (i)	210,000,000	-
Mrs. Nguyen Bich Thuy (i)	500,000,000	-
Total	3,210,000,000	2,451,793,496

(i): Loans without collateral. The loan has a term from 15 days to 18 months from the loan date, with interest rates from 5%/year to 10%/year.

5.6 Other receivables

	31 December 2024	01 January 2024
	VND	VND
Current	4,157,803,381	7,602,995,777
- Current mortgages, collateral & deposits (i)	1,308,300,113	3,005,459,195
- Accrued interest on term deposits	1,679,290,333	3,482,369,232
- Accrued interest on loan receivables	510,346,301	220,453,698
- Others	659,866,634	894,713,652
+ Receivable of VAT withholding tax	658,172,634	891,058,200
+ Others	1,694,000	3,655,452
Non - current	343,340,151	5,299,769,291
- Non - current mortgages, collateral & deposits	-	5,010,000,000
- Others	343,340,151	289,769,291
Total	4,501,143,532	12,902,765,068

(i) Including bank deposits used as collateral by the Company as of 31 December 2024 for the purpose of guarantee the performance of the contract and deposits for rental office. Details are as follows:

- Deposits for office rental in Hanoi, Da Nang branch, Ho Chi Minh city branch and subsidiaries (Indonesia) in the amount of VND 647,597,604.
- Deposits for contract performance guarantee in the amount of VND 660,702,509.

5.7 Bad debts

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Cost	Value can be recovered	Cost	Value can be recovered
Vietnam House Development Investment and Trading JSC	-	-	41,454,545	-
GOGALA Company Limited	-	-	49,745,079	-
Villa barriers construction Company Limited	-	-	53,745,958	-
ILA Vietnam Company Limited	-	-	66,734,809	-
Minh Thanh Phat Advertising Media Company Limited	-	-	145,949,280	-
Total	-	-	357,629,671	-

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.8 Inventories**

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Work in process	6,872,819,372	-	2,009,453,522	-
Mechandise	453,157,014	-	-	-
Total	7,325,976,386	-	2,009,453,522	-

5.9 Prepaid expenses

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
Current	138,156,587		518,254,896	
- Office rental	71,382,500		40,454,333	
- Server space rental	11,600,000		-	
- Tools and supplies	22,993,940		477,800,563	
- Others	32,180,147		-	
Non-current	934,735,271		217,824,660	
- Tools and supplies	355,147,605		188,481,834	
- Internet fee and server space rental	10,800,000		-	
- Costs for interior construction and fire protection	505,590,445		-	
- Others	63,197,221		29,342,826	
Total	1,072,891,858		736,079,556	

5.10 Non - current assets in progress

	31 December 2024 (VND)	01 January 2024 (VND)
Investment and purchase of fixed assets	-	40,216,000
- Office repaired cost	-	40,216,000
Total	-	40,216,000

5.11 Increased/ Decreased Tangible fixed assets

	Means of transport	Office equipment	Machinery and equipment	Total
HISTORICAL COST				
As at 01 January 2024	13,813,197,727	336,593,455	189,701,819	14,339,493,001
Purchase in year	2,463,856,000	-	-	2,463,856,000
As at 31 December 2024	16,277,053,727	336,593,455	189,701,819	16,803,349,001
ACCUMULATED DEPRECIATION				
As at 01 January 2024	8,981,024,117	336,593,455	189,701,819	9,507,319,391
Depreciation in year	1,456,795,197	-	-	1,456,795,197
As at 31 December 2024	10,437,819,314	336,593,455	189,701,819	10,964,114,588
NET BOOK VALUE				
As at 01 January 2024	4,832,173,610	-	-	4,832,173,610
As at 31 December 2024	5,839,234,413	-	-	5,839,234,413

In which:

- Historical cost of fixed assets at the end of the period which have been depreciated but are still in use with the value as of 31 December 2024 is VND 7,066,917,909 (As at 31 December 2023 was VND 7,066,917,909).

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.12 Increased/ Decreased Intangible fixed assets**

	<i>Computer Software</i>	<i>Copyright, patent</i>	<i>Land use right</i>	<i>Total</i>
HISTORICAL COST				
As at 01 January 2024	4,380,511,265	400,000,000	-	4,780,511,265
Others	-	-	14,506,000,000	14,506,000,000
As at 31 December 2024	4,380,511,265	400,000,000	14,506,000,000	19,286,511,265
ACCUMULATED DEPRECIATION				
As at 01 January 2024	1,095,127,824	128,273,941	-	1,223,401,765
Depreciation in year	547,563,912	19,999,992	64,471,111	632,035,015
As at 31 December 2024	1,642,691,736	148,273,933	64,471,111	1,855,436,780
NET BOOK VALUE				
As at 01 January 2024	3,285,383,441	271,726,059	-	3,557,109,500
As at 31 December 2024	2,737,819,529	251,726,067	14,441,528,889	17,431,074,485

5.13 Increased/ Decreased investment real estate

	<i>Beginning balance</i>	<i>Increase during the year</i>	<i>Decreased during the year</i>	<i>Closing balance</i>
INVESTMENT REAL ESTATE FOR LEASE				
HISTORICAL COST	-	5,368,264,709	-	5,368,264,709
Building and land use right	-	5,368,264,709	-	5,368,264,709
ACCUMULATED DEPRECIATION	-	93,971,078	-	93,971,078
Building and land use right	-	93,971,078	-	93,971,078
NET BOOK VALUE	-	5,274,293,631	-	5,274,293,631
Building and land use right	-	5,274,293,631	-	5,274,293,631
INVESTMENT REAL ESTATE HELD FOR PRICE INCREASE				
HISTORICAL COST	43,883,603,675	129,215,391,050	(18,690,967,449)	154,408,027,276
Building and land use right	43,883,603,675	129,215,391,050	(18,690,967,449)	154,408,027,276
LOSS BY DECREASE OF VALUE	-	-	-	-
Building and land use right	-	-	-	-
NET BOOK VALUE	43,883,603,675	129,215,391,050	(18,690,967,449)	154,408,027,276
Building and land use right	43,883,603,675	129,215,391,050	(18,690,967,449)	154,408,027,276

The investment real estate that the Company is holding for the purpose of price increases is villa B8-12 Garden villa and sports entertainment project in Tien Xuan commune, Thach That district, Hanoi; Villa No. C 727 Ha Long Ocean Park Project in Ha Long City, Quang Ninh Province; Apartment A307, Moon light I apartment building, An Lac Green Symphony new urban area in An Khanh commune, Hoai Duc district, Hanoi; Apartment No. 24.03, Block C, high-rise housing area, Phu Huu Ward, District 9, Thu Duc City, Ho Chi Minh City; Land lot No. 270 Lot 07 B2-2, Land plot 271 Lot 8 B2-2 Street 30/04, Hoa Cuong Bac ward, Hai Chau district, Da Nang and land lots 614, 615 and 616 in group 14 Sai Dong, Long Bien, Hanoi. The investment real estate which is leasing is the office at 11th floor, C1 Thanh Cong collective, Thanh Cong ward, Ba Dinh district, Hanoi.

According to Vietnamese Accounting Standard No. 05 - Investment Properties, the fair value of Investment Property as at 31 December 2024 should be presented. However, the Company did not determined this fair value because have no sufficient information enough to determine the fair value of these assets at the balance sheet date.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.14 Current trade payables**

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
TIKI Commercial One Member Co., Ltd	-	-	46,991,730	46,991,730
Meta Platforms Ireland Limited	15,742,074,009	15,742,074,009	14,350,590,907	14,350,590,907
Google Ireland Ltd	3,137,296,143	3,137,296,143	5,536,731,325	5,536,731,325
TIKTOK PTE. Ltd	1,971,298,824	1,971,298,824	-	-
REUV CORPORATION INC	76,522,690	76,522,690	91,307,845	91,307,845
TR PRODUCTIONS Company Limited	206,496,000	206,496,000	134,784,000	134,784,000
Cao Minh Trade and Service Development Company Limited	82,000,000	82,000,000	123,000,000	123,000,000
MARUP Joint Stock Company	-	-	473,440,000	473,440,000
Forza Joint Stock Company	-	-	427,377,864	427,377,864
THE 1ST MANAGEMENT Company Limited	-	-	1,269,000,000	1,269,000,000
Green Content Media Company Limited	1,182,600,000	1,182,600,000	-	-
UNIQUE Advertising Group JSC	371,239,200	371,239,200	-	-
Ms Mai Le Quyen	410,897,371	410,897,371	-	-
Mr Lai Minh Duy	1,000,000,000	1,000,000,000	-	-
BEAUTYMAKERS. Co., Ltd	579,496,680	579,496,680	-	-
VT Media Company Limited	318,384,000	318,384,000	-	-
Schannel Advertising and Media Services JSC	354,207,600	354,207,600	-	-
TD Entertainment Trading and Services Co., Ltd	507,600,000	507,600,000	-	-
Others	3,903,121,003	3,903,121,003	2,604,045,183	2,604,045,183
Total	29,843,233,521	29,843,233,521	25,057,268,854	25,057,268,854

In which

Trade payables to related parties

2,011,748

(Details at Notes 7.2 - Related parties).

5.15 Current advance from customers

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
Vietnam AZ Communication and Culture Co., Ltd	788,724,000	788,724,000	977,076,000	977,076,000
MEEY LAND Group Joint Stock Company	109,692,360	109,692,360	120,231,738	120,231,738
FPT Software Company Limited	196,355,644	196,355,644	262,287,999	262,287,999
HG Media and Entertainment JSC	20,526,167	20,526,167	127,431,547	127,431,547
THEONE Furniture Trading and Production JSC	1,528,740,000	1,528,740,000	43,200,000	43,200,000
Anh Sang Eye Hospital Joint Stock Company	488,421,134	488,421,134	388,800,000	388,800,000
SKYBOOKS Vietnam Culture and Media Company Limited	235,440,000	235,440,000	108,000,000	108,000,000
N&V Bridge Company Limited	-	-	326,960,000	326,960,000
TCIE Vietnam Company Limited	-	-	204,822,000	204,822,000
RUBY LIFE Group Joint Stock Company	442,422,000	442,422,000	-	-
READINGGATE VIETNAM Company Limited	392,158,800	392,158,800	-	-
Phuong Dong Big Family Medical Care Equipment Company Limited	449,999,999	449,999,999	-	-
WIR GROUP Company Limited	156,762,000	156,762,000	-	-
Tiktok PTE. LTD.	189,675,000	189,675,000	-	-
FRANCIA Beauty Company Limited	-	-	177,162,000	177,162,000
Con Cung Joint Stock Company	-	-	115,740,500	115,740,500
Others	4,313,651,884	4,313,651,884	4,977,621,778	4,977,621,778
Total	9,312,568,988	9,312,568,988	7,829,333,562	7,829,333,562

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.16 Statutory obligations**

	01 January 2024 (VND)	Payable for the year (VND)	Payment paid in year (VND)	31 December 2024 (VND)
Value added tax	5,221,536,401	40,116,185,272	(40,728,437,071)	4,609,284,602
Import and export tax	-	28,513,296	(28,513,296)	-
Corporate income tax	4,787,783,393	6,278,393,926	(6,489,663,798)	4,576,513,521
Personal income tax	1,298,636,911	4,096,823,233	(3,687,348,242)	1,708,111,902
Environmental protection tax & others	1,879,499,886	5,417,139,715	(5,969,208,508)	1,327,431,093
Total	13,187,456,591	55,937,055,442	(56,903,170,915)	12,221,341,118

5.17 Taxes and other receivables from the State

	31 December 2024 (VND)	01 January 2024 (VND)
Corporate income tax over paid	2,693,983	-
Personal income tax over paid	803,933,293	536,914,621
Total	806,627,276	536,914,621

5.18 Current accrued expenses

	31 December 2024 (VND)	01 January 2024 (VND)
Loan Interest accrued payable	34,952,424	29,178,061
Office rental cost	-	913,202,892
Outsource expense of projects	4,694,576,746	3,919,687,436
Total	4,729,529,170	4,862,068,389

5.19 Other current payables

	31 December 2024 (VND)		01 January 2024 (VND)	
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
Union funds	217,480,626	217,480,626	382,950,126	382,950,126
Social insurance	-	-	-	-
Health insurance	-	-	-	-
Unemployment insurance	-	-	-	-
Others	479,204,525	479,204,525	465,935,014	465,935,014
+ Payable to Mr. Le Anh Quan	325,385,500	325,385,500	325,385,500	325,385,500
+ Payable to Binh Dinh Pharmaceutical Company	-	-	102,468,996	102,468,996
+ Others	153,819,025	153,819,025	38,080,518	38,080,518
Receivable funds, deposit	239,693,235	239,693,235	74,693,235	74,693,235
Total	936,378,386	936,378,386	923,578,375	923,578,375

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.20 Borrowing and finance lease liabilities**

	31 December 2024 (VND)		During the year		01 January 2024 (VND)	
	Amount	Amount able to be paid off	Increase	Decrease	Amount	Amount able to be paid off
Current borrowing						
Vietnam Foreign Trade Joint Stock Bank - Hoan Kiem branch (i)	45,681,891,222	45,681,891,222	177,472,388,126	(173,372,723,949)	41,582,227,045	41,582,227,045
	45,681,891,222	45,681,891,222	177,472,388,126	(173,372,723,949)	41,582,227,045	41,582,227,045
Balance of credit card						
Vietnam Foreign Trade Joint Stock Bank - Hoan Kiem branch (ii)	1,333,691,676	1,333,691,676	88,712,918,473	(92,105,246,130)	4,726,019,333	4,726,019,333
	1,333,691,675	1,333,691,675	77,796,922,331	(80,274,048,682)	3,810,818,026	3,810,818,026
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank - Nam Dong Branch (iii)	(279,022,797)	(279,022,797)	9,411,281,656	(10,008,393,708)	318,089,255	318,089,255
	279,022,798	279,022,798	1,504,714,486	(1,822,803,740)	597,112,052	597,112,052
Citi Bank, N.A - Hanoi Branch (iv)						
Total	47,015,582,898	47,015,582,898	266,185,306,599	(265,477,970,079)	46,308,246,378	46,308,246,378

(i) Credit contract number HKI-HDCTD/24065 dated 25 July 2024, credit limit is 70 billion VND (credit card limit is 15 billion VND), term is 12 months from the date the contract is signed (from 25 July 2024 to 17 July 2025). The loan is disbursed according to each contract with a loan term of 05 months from the date of disbursement, which has interest rates from 4.0% to 7.5%. The purpose of using the loan is to finance legal, reasonable, and valid short-term credit needs to serve the Company's production and business. The loan is secured by the assets of a third party.

(ii) Loan by credit card of Vietnam Foreign Trade Joint Stock Bank, with a limit of 15,000,000,000 VND for the purpose of paying advertising costs for Google. The loan is interest-free for 60 days from the date of disbursement, after the interest-free period, the loan bears an interest rate of 15%/year. The loan is secured by the assets of a third party.

(iii) Loan by credit card of Saigon - Hanoi commercial Joint Stock Bank - Nam Dong Branch, with a limit of 1,000,000,000 VND for the purpose of paying advertising costs for foreign suppliers. The loan is interest-free for 60 days from the date of disbursement. After the interest-free period, the loan bears interest at an interest rate of 25.9%/year. The loan is secured by the assets of a third party.

(iv) Loan by Citi Bank credit card, with a limit of VND 1,000,000,000 for the purpose of paying advertising costs for Google. The loan is interest-free for 10 days from the date of monthly transaction notice, after the interest-free period, the loan bears an interest rate of 3%/month.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)

5.21 Deferred income tax payable

CIT rate used to determine the amount of deferred tax payable

A deferred tax asset related to a deductible temporary difference

Total

31 December 2024	01 January 2024
VND	VND
20%	20%
2,895,553,164	2,940,129,836
2,895,553,164	2,940,129,836

CLEVER GROUP CORPORATION

Five Star building, No.2 Kim Giang, Thanh Xuan, Hanoi

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)

5.22 Owner's equity

a. Increase and decrease in owner's equity

	Contributed legal capital	Share premium	Non-controlling shareholder interests	Foreign exchange differences reserve	Undistributed earnings	Total
Currency: VND						
Beginning balance of previous year	213,805,210,000	34,940,000	26,463,906,385	(515,852,328)	84,936,384,267	324,724,588,323
Other increase	-	-	1,553,369	-	-	1,553,369
Profit/loss from previous year	-	-	2,163,189,678	-	20,079,255,645	22,242,445,323
Foreign exchange differences	-	-	-	92,790,206	-	92,790,206
Dividend to shareholders	-	-	(892,359,287)	-	-	(892,359,287)
Distribution of funds	-	-	-	-	-	-
Other decrease	-	-	-	-	-	-
Ending balance of previous year/						
Beginning balance of current year	213,805,210,000	34,940,000	27,736,290,145	(423,062,122)	105,015,639,912	346,169,017,935
Capital increase in this year	-	-	21,850,000,000	-	-	21,850,000,000
Profit/loss from this year	-	-	3,237,123,222	-	17,793,244,862	21,030,368,084
Foreign exchange differences	-	-	-	(927,531,414)	-	(927,531,414)
Other increase	-	-	-	-	44,447,860	44,447,860
Dividend to shareholders	-	-	(676,921,569)	-	-	(676,921,569)
Decrease due to dissolution of associated company	-	-	-	-	(416,637,469)	(416,637,469)
Ending balance	213,805,210,000	34,940,000	52,146,491,798	(1,350,593,536)	122,436,695,165	387,072,743,427

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)**5.22 Owner's equity (Continued)****b. Detail of owner's equity**

	31 December 2024 (VND)	01 January 2024 (VND)
Mr. Nguyen Khanh Trinh	59,828,350,000	59,828,350,000
FSN Asia Private Ltd (old name is YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD)	82,859,430,000	82,859,430,000
Other shareholders	71,117,430,000	71,117,430,000
Total	213,805,210,000	213,805,210,000

c. Capital transactions with owners and distribution of dividends, profits:

	2024 (VND)	2023 (VND)
Contributed capital		
+ Beginning balance	213,805,210,000	213,805,210,000
+ Increase	-	-
+ Decrease	-	-
+ Ending balance	213,805,210,000	213,805,210,000

d. Shares

	31 December 2024 Shares	01 January 2024 Shares
Number of shares registered for issuance	21,380,521	21,380,521
Number of shares sold to the public	21,380,521	21,380,521
Common shares	21,380,521	21,380,521
Number of shares to be redeemed	-	-
Common shares	-	-
Number of shares outstanding	21,380,521	21,380,521
Common shares	21,380,521	21,380,521
Par value of outstanding shares:	10,000 VND per share	

5.23 Off consolidated balance sheet items**Operating lease**

	31 December 2024	01 January 2024
Minimum future lease payment under the non-cancelable operating lease under the following terms:		
Less than 01 year	3,705,203,772	3,067,208,816
Over 01 year to 05 years	9,226,587,884	3,592,453,924
Total	12,931,791,656	6,659,662,740

Foreign currencies of all kinds

	31 December 2024	01 January 2024
United State Dollar (USD)	11,772.83	97,012.83

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS ON THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**6.1 Revenues from sales of goods and rendering of services**

	2024 VND	2023 VND
Revenue from sale of goods	689,603,699	-
Revenue from service rendering	450,083,011,858	411,871,183,400
Revenue from selling investment real estate	13,413,636,364	-
Total	464,186,251,921	411,871,183,400
Revenue with related parties (Details at Notes 7.2 - Related parties).	3,083,484,527	3,927,512,886

6.2 Revenue deductions

	2024 VND	2023 VND
Return of goods sold	219,545	-
Total	219,545	-

6.3 Cost of goods sold and services rendered

	2024 VND	2023 VND
Cost of goods sold	303,385,239	-
Cost of service rendering	378,003,136,289	333,785,749,261
Cost of investment real estate sold	13,322,702,740	-
Total	391,629,224,268	333,785,749,261

6.4 Finance income

	2024 VND	2023 VND
Bond, deposits and loan receivable interest	13,112,738,422	15,405,306,317
Unrealized gain from exchange rate	17,468,352	189,516,226
Realized gain from foreign exchange rate	489,154,879	49,237,090
Others	-	-
Total	13,619,361,653	15,644,059,633

6.5 Finance expense

	2024 VND	2023 VND
Loan interest	1,641,730,429	3,795,023,476
Unrealized loss from foreign exchange rate	261,492,371	-
Realized loss from foreign exchange rate	-	398,754,795
Others	357,281,734	-
Provision for devaluation of investment	344,805,121	-
Total	2,605,309,655	4,193,778,271

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS ON THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (Continued)**6.6 Selling expenses and general and administrative expenses**

	2024 VND	2023 VND
General and administrative expenses		
Employee expenses	13,151,927,367	15,065,536,117
Expenses of office equipments	214,526,863	1,258,013,961
Depreciation expenses of fixed assets	1,480,725,363	1,423,259,398
Made/(Reversal) provision for bad debt	298,988,081	-
Taxes and fee	235,946,852	1,406,804,990
Outsourcing services	9,692,415,597	10,031,099,518
Other cash expenses	2,261,953,965	1,864,757,792
Total	27,336,484,088	31,049,471,776
Selling expenses		
Employee expenses	26,149,765,080	24,762,121,712
Tools and equipment expense	16,477,047	-
Outsourcing services	1,624,322,998	2,167,655,412
Other cash expenses	277,623,924	258,208,911
Total	28,068,189,049	27,187,986,035

6.7 Other income and expense

	2024 VND	2023 VND
Other income	957,860,169	241,416,382
- Adjustments of trade payables and receivables	387,069,460	164,736
- Others	570,790,709	241,251,646
Other expense	2,003,227,822	1,350,633,983
- Invalid car depreciation expense	645,365,672	528,846,003
- Tax collection and administrative fines	397,691,360	3,928,634
- Sponsor and support expense	-	-
- Violations of contracts	240,860,281	342,842,000
- Others	719,310,509	475,017,346
Other profit/loss (Net)	(1,045,367,653)	(1,109,217,601)

6.8 Production and operating cost

	2024 VND	2023 VND
Raw materials	231,003,910	1,258,013,961
Labor costs	53,363,426,651	48,169,210,848
Depreciation expenses of fixed assets	2,182,801,290	1,962,182,578
Made/(Reversal) provision for bad debt	298,988,081	-
Outsourcing services	298,029,821,007	257,341,679,013
Other cash expenses	9,902,271,675	6,704,046,127
Total	364,008,312,614	315,435,132,527

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS ON THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (Continued)

6.9 Current corporate income tax (CIT)

	2024 VND	2023 VND
Corporate income tax expense for the current period	6,009,900,555	7,832,752,789
Adjustment for (under)/over accrual of tax from prior period	268,493,371	22,370,217
Total	6,278,393,926	7,855,123,006

6.10 Deferred corporate income tax expense

	2024 VND	2023 VND
Deferred income tax expenses related to taxable temporary difference	(44,576,673)	122,977,645
Deferred income tax expenses related to deductible temporary difference	(222,883,365)	614,888,226
Total	(44,576,673)	122,977,645

6.11 Earnings per share

	2024 VND	2023 VND
Accounting profit after corporate income tax	17,793,244,862	20,079,255,644
Adjustments	-	-
Profits distributed to common share holders	17,793,244,862	20,079,255,644
Average outstanding common shares during the period (shares)	21,380,521	21,380,521
Earnings per share (VND/share)	832	939

7. OTHER INFORMATION

7.1 Commitments

Commitment to leasing

Operating lease commitments include:

- Rent for 250 m² of office space in the Commercial, service, office, officetel and apartment area (Orchard Garden Building) at No.128 Hong Ha Street, Ward 09, Phu Nhuan District, City. Ho Chi Minh with rental prices specified for each period in the contract. The lease contract is signed with a term of 5 years from 01 December 2023.

- Rent for 407.5 m² of office at No.2 Kim Giang, Ha Dinh ward, Thanh Xuan District, Hanoi with rental price of 2,748,000 VND/m²/month. The lease contract was signed with a term of 5 years from 15 July 2018. The lease term is extended for another 3 years from 28 July 2023. This contract is replaced by office rental contract No. 0107/2024/HDTVP-AK-CLEVER dated 01 July 2024. Rental area is 627.95 m² with rental price of 235,000 VND/m²/month. The lease contract is signed with a term of 5 years from 01 July 2024 to 30 June 2029.

- Rent for 108 m² of office at No.2 Kim Giang, Ha Dinh ward, Thanh Xuan District, Hanoi with rental price of VND 20,571,055 per month. The lease contract was signed with a term of 5 years from 01 August 2018. The lease term is extended for another 3 years from 01 August 2023. This contract is replaced by office rental contract No. 0107/2024/HDTVP-AK-CLEVER dated 01 July 2024.

- Rent for 145.45 m² of office at No.2 Kim Giang, Ha Dinh ward, Thanh Xuan District, Hanoi with rental price of VND 27,670,408 per month. The lease contract was signed with a term of 3 years from 01 December 2020. The lease term is extended for another 3 years from 01 December 2023. This contract is replaced by office rental contract No. 0107/2024/HDTVP-AK-CLEVER dated 01 July 2024.

- Rent for 80.24 m² office on the 6th floor at Thanh Quan Building, 132 - 136 Le Dinh Ly, Vinh Trung ward, Thanh Khe district, Da Nang city with the rent of VND 22,066,000 per month. The lease contract is signed for a term of 2 years from 22 May 2022. This contract expires on 09 July 2024.

- Rent for 75 m² office on the 3rd floor at VIET Building, No. 199 Dong Da, Thach Thang Ward, Hai Chau District, Da Nang City with rental price of VND 12,500,000 per month. The lease contract is signed with a term of 3 years from 01 August 2024 to 01 August 2027.

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

7. OTHER INFORMATION (Continued)**7.1 Commitments (Continued)****Capital commitment**

On 26 September 2017, the Board of Directors approved the total investment capital for Myanmar Clever Advertising Co., Ltd. was 1,138,000,000 VND. As of 31 December 2024, the investment value is 0 VND and the total investment value signed but unrealized by the Company is 1,138,000,000 VND.

7.2 Related parties

List of related parties with significant transactions and balance in the year:

<u>Related parties</u>	<u>Relationship</u>
Clever Network Advertising Joint Stock Company	Associate
ADOP Vietnam Joint Stock Company	Associate
LAZI Technology Company Limited	Associate
TECHCEN Joint Stock Company (*)	Associate
VKIDS Vietnam Limited Company	Associate
FSN Asia Private Ltd	Associate
Clever Applications Store Joint Stock Company	Same main shareholder and/or key management member
JobsGo Joint Stock company	Same main shareholder and/or key management member
Vietair Express Trading and Services Joint Stock Company	Same main shareholder and/or key management member
Members of the Board of Directors, Board of Management, other managers and close individuals in the families of these members	Significant influence

(*): TECHCEN Joint Stock Company has completed the dissolution procedures and announcement of the dissolution/termination of the corporate's existence from the Hanoi Department of Planning and Investment on 13 May 2024.

a. Remuneration of the Board of Directors and Management, Chief Accountant

Remuneration paid to members of the Board of Directors and Management, Chief Accountant of the Company during the year, details are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Salary and allowances	3,106,414,966	3,515,625,899
Total	3,106,414,966	3,515,625,899

Remuneration of the Board of Directors

Name	Position	2024 VND	2023 VND
Mr. Nguyen Khanh Trinh	Chairman	592,190,400	774,000,000
Ms. Don Nu Duc Hien	Vice Chairwoman/Director	841,926,000	527,982,979
Ms. Luu Hoang Anh	Member	546,540,055	502,790,698
Mr. Du Khac Chau	Member (Dismissed)	-	360,000,000
Mr. Tran Dong Au	Member	-	-
Mr. Lee SangSeok	Member	-	-
Mr. Tran Anh Nam	Member	-	-
Mr. Nguyen Quang Quoc Phuong	Member	-	-
Total		1,980,656,455	2,164,773,677

Salaries of the Board of Executive and other managers

Name	Position	2024 VND	2023 VND
Mr. Bach Duong	Director (Dismissed)	-	410,000,000
Ms. Tran Thi Minh Tinh	Director of Da Nang branch	424,975,831	301,950,000
Ms. Nguyen Thi Nga	Chief Accountant	700,782,680	638,902,222
Total		1,125,758,511	1,350,852,222

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

7. OTHER INFORMATION (Continued)**a. Transactions with related parties**

Related parties	Relationship	Transaction	2024 VND	2023 VND
Revenue				
	Same main shareholder and/or key management member			
JobsGo Joint stock company	member	Service rendered	2,928,903,888	2,526,388,132
LAZI Technology Co., Ltd	Associate	Service rendered	154,580,639	1,399,666,577
TECHCEN Joint stock company	Associate	Service rendered	-	1,458,177
Total			3,083,484,527	3,927,512,886
Purchase				
	Same main shareholder and/or key management member			
Vietair Express Trading and Services Joint Stock Company	member	Purchase service	51,707,767	
Mr. Nguyen Khanh Trinh	Chairman	Purchase villa	-	29,213,879,040
Mr. Nguyen Khanh Trinh	Chairman	Payment for purchase villa	-	29,213,879,040

b. Balances with related parties

Related parties	Relationship	31 December 2024 VND	01 January 2024 VND
Trade receivable			
	Same main shareholder and/or key management member		
JobsGo Joint stock company	management member	545,221,121	1,181,151,932
VKIDS Vietnam Company Limited	Associate	538,588,746	731,090,932
LAZI Technology Co., Ltd	Associate	-	-
		6,632,375	450,061,000
Trade payables		2,011,748	-
	Same main shareholder and/or key management member		
Vietair Express Trading and Services Joint Stock Company	member	2,011,748	-

7.3 Segment Report

Segment report for the fiscal year ended at 31 December 2024

Items	Advertising business	Trading investment real estate	Financial Investment	Total
Revenue from sales of goods and services rendering				
- Outside sales	450,547,396,012	13,638,636,364	-	464,186,032,376
Total net revenue	450,547,396,012	13,638,636,364	-	464,186,032,376
Business expenses				
- Cost of goods sold and services rendered	433,617,223,587	13,416,673,818	-	447,033,897,405
- Selling expense	378,212,550,450	13,416,673,818	-	391,629,224,268
- General and administrative expenses	28,068,189,049	-	-	28,068,189,049
	27,336,484,088	-	-	27,336,484,088
Net profit/(loss) from operating activities	16,930,172,425	221,962,546	-	17,152,134,971
- Income from financial activities	-	-	11,157,418,019	11,157,418,019
- Other income	-	-	(1,045,367,653)	(1,045,367,653)
Profit /(loss) before tax	16,930,172,425	221,962,546	10,112,050,366	27,264,185,337

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

For the fiscal year ended at 31 December 2024

7. OTHER INFORMATION (Continued)**7.3 Segment Report (Continued)**

Items	Advertising business	Trading investment real estate	Financial Investment	Total
Assets				
Cash and cash equivalent	48,628,268,676	-	-	48,628,268,676
Financial investments	11,378,736,457	-	181,605,152,315	192,983,888,772
Receivables	60,023,232,150	240,000,000	2,189,636,634	62,452,868,784
Inventories	7,325,976,386	-	-	7,325,976,386
Other assets	2,115,942,959	-	-	2,115,942,959
Fixed assets	23,270,308,898	-	-	23,270,308,898
Investment real estate	-	159,682,320,907	-	159,682,320,907
Total assets	152,742,465,525	159,922,320,907	183,794,788,949	496,459,575,381
Liabilities				
Current liabilities	105,080,381,419	1,410,897,371	-	106,491,278,790
Non-current liabilities	2,895,553,164	-	-	2,895,553,164
Total liabilities	107,975,934,583	1,410,897,371	-	109,386,831,954

7.4 Subsequent events since the balance sheet date

There were no extraordinary events occurring after the balance sheet date that affected the financial position and operations of the Company which required adjustment or disclosure in the consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

7.5 Comparative figures

Comparative information on the financial statements is the consolidated financial statements for the fiscal year ended 31 December 2023 which have been audited by CPA VIETNAM Auditing Company Limited - Northern Branch.

Preparer



NGUYEN THI NGA

Chief Accountant



NGUYEN THI NGA



ĐƠN NÚ DỤC HIEN